

Số : 229 /SGD&ĐT-GDTrH
V/v: Ra đề kiểm tra đề xuất
học kì II năm học 2008-2009

Bến Tre, ngày 05 tháng 3 năm 2009

Kính gửi:

- Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã;
- Các trường THPT.

Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch ra đề kiểm tra học kì II năm học 2008-2009 thống nhất trên toàn tỉnh cho khối lớp 9 và 12 ở các bộ môn: Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh, tiếng Pháp, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học.

Nhằm mục đích làm cho nội dung đề kiểm tra của Sở bám sát chương trình, thực tế dạy học ở các địa phương và trình độ của học sinh, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT tổ chức ra đề kiểm tra đề xuất khối lớp 9 và 12 học kì II năm học 2008-2009. Mỗi Phòng Giáo dục và Đào tạo và mỗi trường THPT soạn 01 bộ đề (mỗi môn 01 đề) của các bộ môn: Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh, tiếng Pháp, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học theo các yêu cầu dưới đây:

1/ Cách tổ chức ra đề:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với khối lớp 9) và các trường THPT (đối với khối lớp 12) phân công cho các giáo viên tổ mạng lưới chuyên môn của Sở và/hoặc các giáo viên giỏi, có kinh nghiệm trong giảng dạy và ra đề, đang giảng dạy khối lớp 9 và 12 ở các trường THCS, THPT soạn đề kiểm tra đề xuất theo các bộ môn nói trên, gồm mỗi môn 01 đề.
- Các giáo viên được phân công ra đề *trực tiếp* gửi đề kiểm tra (*kèm đáp án*), bằng file Word, về Sở Giáo dục và Đào tạo, cho các cán bộ, chuyên viên phụ trách bộ môn của Phòng GDTrH, qua các địa chỉ mail sau đây (yêu cầu gửi đúng địa chỉ mail mỗi cán bộ, chuyên viên và không gửi qua bất kì hình thức nào khác):
 - Môn tiếng Pháp: nvhuan01@yahoo.fr và nguyenvanhuan@bentre.edu.vn
 - Môn Địa lý: caominhson@bentre.edu.vn, cmson.bt@gmail.com
 - Môn Vật lý: nguyenhungmanh@bentre.edu.vn
 - Môn Ngữ văn: lethanhtong@bentre.edu.vn, lethanhtong@gmail.com
 - Môn tiếng Anh: lehoangminh@bentre.edu.vn, leminhtbt@yahoo.com.vn
 - Môn Hóa học: ngothuynga@bentre.edu.vn
 - Môn Sinh học: huynhvanhoai@bentre.edu.vn, huynhvanhoai09@gmail.com
 - Môn Toán: nvhuan01@yahoo.fr và nguyenvanhuan@bentre.edu.vn

2/ Nội dung đề kiểm tra:

Giới hạn trong nội dung chương trình khối lớp 9 và 12 học kì II, đến tuần lễ thứ 33.

3/ Hình thức và cấu trúc đề:

Bám sát hình thức (*trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận, hoặc chỉ có trắc nghiệm khách quan, hoặc chỉ có tự luận*) và cấu trúc đề (*các phần nội dung cần kiểm tra, phân bố điểm, số lượng câu hỏi, tỉ lệ các câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự*

luận...) dựa theo bộ đề kiểm tra các bộ môn nói trên của Sở gửi kèm theo công văn này. Đề kiểm tra đánh máy bằng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 (không dùng font chữ khác để tránh việc không tương thích khi xử lý).

Trên đề kiểm tra gửi về Sở, cần ghi họ và tên người soạn đề, đơn vị công tác (trường THCS, THPT), huyện/thị.

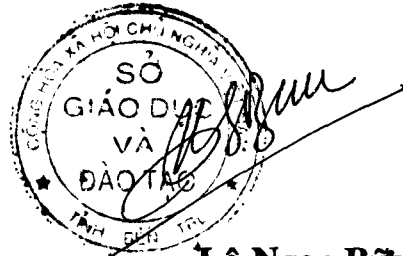
4/ Thời hạn gửi đề về Sở: Hạn chót là ngày 11/4/2009.

Nhận được công văn này, các Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường THPT căn cứ nội dung thực hiện. *H. S.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH.

GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Bữu

CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC KÌ

1.Lớp 9 :

- a) Gồm hai phần trắc nghiệm và tự luận. Phần tự luận từ 2 câu trở lên.
- b) Ví dụ :

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1 :

Đoạn văn nào sau đây (trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu) giàu ý nghĩa triết lí về cuộc đời ?

- A. Nhĩ khó nhọc nâng một cánh tay lên khẽ ấy cái bát miến trên tay Liên ra. Anh ngửa mặt như một đứa trẻ để cho thằng Tuấn cầm chiếc khăn bông tắm nước ấm khẽ lau miệng, cầm và hai bên má cho mình.
- B. Anh con trai miến cưỡng mặc quần áo, đội chiếc mũ nan rộng vành đề phòng đến trưa có thể nắng to - theo lời yêu cầu khẩn khoản của Nhĩ - giặt vào người mấy đồng bạc.
- C. Không khéo rồi thằng con trai anh lại trở mặt chuyển đồ trong ngày, Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những điều vòng vèo, chùng chình, và lại nó đã thấy có cái gì đáng hấp dẫn ở bên kia sông đâu ?
- D. Nghe tiếng chân dậm thình thịch đều đặn ở bên kia giường. Nhĩ cúi xuống thờ hồn hèn để lấy lại sức rồi cất tiếng gọi yếu ớt : “Huệ ơi !”.

Câu 2 :

Câu văn sau đây nói về điều gì ?

“Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắt vì chưa hề bao giờ đi đến – cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình”.

- A. Chiêm nghiệm của Nhĩ về một nghịch lí của chính cuộc đời anh
- B. Cảm giác buồn chán của Nhĩ khi cả cuộc đời chưa đi ra khỏi ngôi nhà của mình
- C. Chỉ đến lúc này Nhĩ mới hiểu hết vẻ đẹp của quê hương
- D. Nhĩ chưa bao giờ hiểu hết vẻ đẹp của quê hương mình

Câu 3 :

Dòng nào sau đây nêu chính xác về nhân vật Nhĩ ?

- A. Là người đi nhiều, biết nhiều về thế giới nhưng lại hời hợt với quê hương
- B. Là người suốt đời sống trong bệnh tật, khổ đau, dằn vặt
- C. Là người có nhiều khát vọng tốt đẹp
- D. Là người biết nâng niu vẻ đẹp bình dị của cuộc sống, quê hương.

▣ Đọc đoạn văn sau đây trả lời các câu hỏi : 4, 5, 6, 7, 8

“Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ.

Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không ? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình tôi không sợ nữa. Tôi sẽ

không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...”

Câu 4 :

Dòng nào sau đây thể hiện chính xác nhất tâm trạng của nhân vật “tôi” trong đoạn văn trên ?

- A. Hồi hộp, lo lắng
- B. Bình tĩnh, tự tin
- C. Thảng thốt, lo âu
- D. Bình thản, lạnh lùng

Câu 5 :

Dòng nào sau đây thể hiện chính xác nhất đặc điểm tính cách của nhân vật “tôi” trong đoạn trích trên ?

- A. Hồn nhiên và mơ mộng
- B. Dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm trong công việc
- C. Tinh nghịch và thích hài hước
- D. Thông minh và thích khám phá

Câu 6 :

Nội dung chính của đoạn văn trên là gì ?

- A. Tả cảnh phá bom và tâm trạng của nhân vật tôi
- B. Giới thiệu về công việc của ba cô gái trong tổ phá bom
- C. Miêu tả cảnh phá bom
- D. Miêu tả nỗi vất vả của tổ phá bom

Câu 7 :

Ngôi kể trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* giống ngôi kể trong tác phẩm nào sau đây ?

- A. Bến quê
- B. Làng
- C. Cố hương
- D. Lặng lẽ Sa Pa

Câu 8 :

Trong câu “Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhôm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt” có sử dụng biện pháp tu từ gì ?

- A. Ẩn dụ
- B. So sánh
- C. Nói quá
- D. Chơi chữ

Câu 9 :

Nội dung chủ yếu của văn bản *Chó sói và cừu non* trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten (H.Ten) là :

- A. Bàn về cách nhìn của nhà văn về loài cừu

- B. Bàn về cách nhìn của nhà khoa học về chó sói
- C. Bàn về cách nhìn của nhà văn và nhà khoa học về cừu non và chó sói
- D. Bàn về đặc trưng của văn chương nghệ thuật

Câu 10 :

Niềm khao khát lớn nhất của Xi-mông là :

- A. Có một cuộc sống giàu sang
- B. Học giỏi nhất trường
- C. Thường được mẹ dẫn đi chơi
- D. Có được một người cha

Câu 11 :

Con chó bác được trích từ tác phẩm nào sau đây ?

- A. Bố của Xi-mông
- B. Tiếng gọi nơi hoang dã
- C. Cỏ hương
- D. Rô-bin-xơn Cru-xô

Câu 12 :

Phần in đậm trong câu “*Những hạng khổ rách áo ôm như ông đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào rồi cảm đầu xuống mà lui đi*” (Kim Lân, Làng) là :

- A. Danh từ
- B. Tính từ
- C. Động từ
- D. Cụm động từ

II. TỰ LUẬN : (6 ĐIỂM)

Câu 17 : (2 điểm)

Những hình ảnh ẩn dụ “mặt trời”, “vàng trắng”, “trời xanh” trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với Bác ?

Câu 18 : (4 điểm)

Vẻ đẹp thiêng liêng của tình mẫu tử trong bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go.

————— HÉT —————

2. Lớp 12

a) Nên theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Ví dụ :

Câu 1 (2 điểm)

Anh, chị hãy trình bày ngắn gọn hiểu biết của mình về cuộc đời nhà văn Lỗ Tấn. Kể tên hai tác phẩm tiêu biểu của ông.

Câu 2 (4 điểm)

Khi bày tỏ thái độ về việc gia nhập quân đội của con trai mình, bà Hiền (nhân vật chính trong truyện ngắn Một người Hà Nội của Nguyễn Khải) đã nói: “Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng”. (Ngữ Văn 12, Tập một, SGK thí điểm Ban KHXH&NV, Bộ 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.394)

Suy nghĩ của anh, chị về câu nói trên.

Câu 3 (4 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau trong bài Việt Bắc của Tố Hữu :

*Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”*

(Ngữ Văn 12, Tập một, SGK thí điểm Ban KHXH&NV, Bộ 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.206)

phát đề

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian

2 trang

Thí sinh làm trực tiếp vào đề thi. Đề thi gồm có

Họ và tên thí sinh: _____
Số báo danh: _____ Lớp: _____
Học sinh trường: _____
Chữ ký giám thị: _____
Chữ ký giám khảo: _____

ĐIỂM

Part I : Group these words into the correct columns depending on their primary stresses. (1pt)
*innovation, recent, although, junkyard, faucet,
collapse, electricity, unpolluted, temperature, typhoon.*

First stress	Second stress	Third stress
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Part II: Circle the best option (from A,B,C or D) to complete the sentences. (4pts)

1. Nam suggested _____ at the zoo.
A. to see B. should see C. see D. seeing
2. Diana was very busy; _____, she tried to help me.
A. although B. however C. moreover D. but
3. “ _____ the TV for me , will you?. I want to watch the weather forecast.”
A. Turn off B. Turn up C. Turn on D. Turn down
4. You look _____ in your new dress.
A. beautiful B. beauty C. well D. beautifully
5. Nam’s father, _____ is 78 years old, goes swimming every day.
A. that B. who C. whose D. whom
6. I am _____ that people have spoiled this area.
A. disappointed B. disappoint C. disappointedly D. disappointing
7. _____ can we reduce the amount of garbage?
A. What B. Why C. How D. Which
8. If we stop using dynamite for fishing, a lot of sea creatures _____.
A. will preserve B. preserves C. will be preserved D. is preserved
9. We can _____ some goods ourselves and import those that we can.
A. product B. produce C. production D. productive
10. Up to now she _____ writing three novels.
A. is finishing B. finishes C. has finished D. will finish

4. What was most of the damage caused by?

5. Imagine there is a sudden earthquake to your school where you are studying, list the first important thing for all of you to do.

Part IV : Rewrite the following sentences so that the second sentence means exactly the same as the sentence before it .(1,5pts)

1. They have built a market in the center of the city.

→ A market _____

2. “ Why don’t you prepare food carefully before turning on the stove”, my mother said.

→ My mother suggested that _____

3. I explained clearly but they didn’t forgive me.

→ Although _____

4. Do you know Mr John? He lives next door to me.

→ Do you _____ ?

5. Kangaroos have long tails. They come from Australia

→ Kangaroos, _____

6. She teaches English very well

→ She is _____

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẾN TRE**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II. NĂM HỌC 2007-2008
MÔN : TIẾNG ANH LỚP 12. HỆ: PHÂN BAN
Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)**

Lưu ý: - Học sinh trả lời câu hỏi trên “ **PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**”
- Đề kiểm tra gồm có 50 câu trắc nghiệm

Mã đề thi

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 1: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

There was a small room into _____ we all crowded.

- A. it B. which C. that D. where

Câu 2: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa của câu sau:

People say that the price of gold is going up.

- A. The price of gold is said going up B. It was said that the price of gold is going up
C. The price of gold is said to going up D. The price of gold is said to be going up.

Câu 3: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Look at those people swimming _____ the river.

- A. under B. over C. in D. on

Câu 4: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Most children feel _____ on New Year's Eve.

- A. excite B. excited C. excitement D. exciting

Câu 5: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

As I _____ the road, I _____ on banana skin and fell heavily.

- A. crossed / stepped B. crossed / was stepping
C. was crossing / was stepping D. was crossing / stepped

Câu 6: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

You and I talked with the professor yesterday, _____?

- A. didn't we B. didn't they C. didn't I D. didn't you

Câu 7: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa của câu sau:

The bridge was so low that the lorry couldn't go under it.

- A. It was so low bridge that the lorry couldn't go under it.
B. The bridge wasn't high enough for the lorry to go under it.
C. It was such low bridge that the lorry couldn't go under it.
D. The bridge was too low for the lorry to go under.

Câu 8: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa của câu sau:

It's a pity that you didn't tell us about this.

- A. I wish you told us about this. B. I wish you had told us about this.
C. I wish you hadn't told us about this. D. I regret you hadn't told us about this.

Câu 9: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

_____ do their best to make people aware of the danger of air pollution.

- A. Environmentalists B. Environmentalism C. Environments D. Environmentalist

Câu 10: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

He's even worse than his sister _____ mathematics.

- A. in B. with C. at D. for

Câu 11: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

It's important for drivers _____.

- A. take care B. taking care C. of taking care D. to take care

Câu 12: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

By this time next week, I _____ on this book for a year.

- A. will work B. will be working C. have worked D. will have worked

Câu 13: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

The Chinese _____ printing.

- A. invented B. founded C. discovered D. found out

Câu 14: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Customer: " Waiter! I'd like the menu please."

Waiter : " _____."

- A. Yes, thank you B. Here you are sir C. But I don't like D. Here are you, sir

Câu 15: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Sumo wrestling is a _____ sport in Japan.

- A. national B. international C. nation D. nationally

Câu 16: Xác định từ/ cụm từ thích hợp có phần gạch dưới cần phải sửa để câu sau trở thành chính xác.

Medical researchers have long been seeking a cure for disease who takes thousands of lives every year.

A B C D

Câu 17: Chọn từ có trọng âm chính vào âm tiết có vị trí khác với những từ còn lại:

- A. accidental B. instrumental C. communicate D. mathematics

Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào chỗ trống trong bài khóa sau , từ câu 18 đến câu 22

George: Hello, Linda. How are you? Have you18.....a job yet?

Linda: No, I'm afraid not, but I'm still looking. It's taking rather19.....than I expected. The problem is there just aren't enough jobs. And there are20.....people looking for jobs.

George: I'm old enough to remember when there was plenty of work.

Linda: There21.....lots of work, but there isn't any more. I'm afraid I'm no longer as22.....as I was a few weeks ago. In fact I feel a bit depressed about it sometimes.

George: Don't worry. You'll soon find something. I expect.

Câu 18: A. saw B. found C. noticed D. looked

Câu 19: A. shorter B. faster C. longer D. slower

Câu 20: A. too little B. too many C. too much D. too few

Câu 21: A. have been B. were C. used to be D. have to be

Câu 22: A. pessimistic B. anxious C. nervous D. optimistic

Câu 23: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Bus tickets should be cheap, _____ people use buses and not their cars.

- A. so B. if C. when D. because

Câu 24: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Mary has three brothers, _____ are married.

- A. all of them B. all of whom C. neither of them D. both of them

Đọc kỹ bài khóa sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho các câu từ 25 đến câu 29

The deserts of the world are not all covered with sand. Many of them have surfaces of rock or clay or small stones. They are not flat, either; they often have high hills and deep valleys. There is some plant life in many parts of the desert. There is little rain in the desert, but it does fall often enough for most plants.

The deserts of the world are not uninhabited. People also live outside oases, but these people are not farmers. They have camels, goats, donkeys, sheep, etc. These animals can live on the desert plants and do not need much water.

The people of the desert have to move constantly from place to place, they must always look for grass or desert plants for their animals. They usually live in tents. When there is no more food for their animals, they fold up their tents, put them on their camels and donkeys, and move to another place. In good years, when there is not enough food for their animals, they trade their skins and their goats and camel hairs with the people of oases for wheat and fruit. But in bad years, when there is not enough food for their animals, the people of the desert would attack the oases people. But they are also **hospitable**. No man in the desert would ever refuse to give a stranger food and water.

Câu 25: According to the passage, deserts are mostly made up of _____

- A. sand B. clay C. stones D. rock

Câu 26: The underlined word "**hospitable**" has the meaning of being _____

- A. brave B. kind C. cruel D. strange

Câu 27: In the desert _____

- A. it rains for a short time every month B. it rains in spring only
C. there is some rain, but far from enough D. the rainfall is just enough for the plants

Câu 28: People live _____

- A. only outside the oases B. both inside and outside the oases
C. only inside the oases D. in places with regular rainfalls

Câu 29: From the passage we know that life _____

- A. is impossible in deserts B. is happy in deserts
C. is hard in deserts D. in deserts is much better now

Câu 30: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

- A: How about a biscuit? B: _____ . I'm on a diet.
A. Yes, please B. Yes, thank you C. No thanks D. It's OK

Câu 31: Chọn từ có trọng âm chính vào âm tiết có vị trí khác với những từ còn lại:

- A. elephant B. elegant C. element D. elaborate

Câu 32: Chọn từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với những từ còn lại

- A. pleasant B. reason C. creature D. season

Câu 33: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

- _____ I came home, he was watching TV.
A. When B. After C. Since D. While

Câu 34: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

- Collecting stamps _____ my hobby when I was a child.
A. is B. were C. are D. was

Câu 35: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa của câu sau:

Tom said to Mary, " I play the piano very well. "

- A. Tom said that she plays the piano very well.
B. Tom told Mary he played the piano very well.
C. Tom said that he plays the piano very well.
D. Mary told Tom she played the piano very well.

Câu 36: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

- The bomb _____ with a loud bang which could be heard all over the town.
A. went on B. went down C. went over D. went off

Câu 37: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

- You'd better not argue with them, _____ you'll be fined.
A. otherwise B. unless C. if D. in case

Câu 38: Xác định từ/ cụm từ thích hợp có phần gạch dưới cần phải sửa để câu sau trở thành chính xác.

Despite the roadblock, the police allowed us enter the restricted area to search for our friends.

- A B C D

Câu 39: Xác định từ/ cụm từ thích hợp có phần gạch dưới cần phải sửa để câu sau trở thành chính xác.

When we go on vacation, we prefer swim and active sports to sightseeing and lying on the beach.
A B C D

Câu 40: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

It isn't worth _____ in that river as it is polluted.

A. to fish B. fishing C. fish D. to go fishing

Câu 41: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

I _____ if I 'd had a cold like that.

A. must not come to work B. would refuse to work
C. wouldn't have come to work D. wouldn't go to work

Câu 42: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

We _____ almost every lesson in this book so far.

A. were studying B. studied C. are studying D. have studied

Câu 43: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa của câu sau:

We whispered because we didn't want anyone to hear our conversation.

A. We whispered so that our conversation couldn't be heard.
B. We whispered in order that anyone couldn't hear our conversation.
C. We whispered in order not to hear our conversation.
D. We whispered so as no one to hear our conversation

Câu 44: Xác định từ/ cụm từ thích hợp có phần gạch dưới cần phải sửa để câu sau trở thành chính xác.

After having dinner in that restaurant last night, I felt badly and my father had to take me the
A B C D
hospital.

Câu 45: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

How many languages can you _____?

A. speak B. say C. tell D. talk

Câu 46: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

My uncle is a _____. He often does research in his laboratory.

A. singer B. farmer C. doctor D. scientist

Câu 47: Chọn từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với những từ còn lại

A. sure B. suit C. setting D. seat

Câu 48: Xác định từ/ cụm từ thích hợp có phần gạch dưới cần phải sửa để câu sau trở thành chính xác.

Some of the most famous Middle Eastern newspapers. The Pyramids was established in Egypt in
A B C D
1875.

Câu 49: Chọn phương án thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Radar can find and _____ locate missiles, aircraft, ships, cities, rainstorms and mountains.

A. accurateness B. accurate C. accuracy D. accurately

Câu 50: Chọn từ mà phần gạch chân có cách phát âm khác với những từ còn lại

A. hatched B. admired C. received D. gathered

----- HẾT -----

Môn : Tiếng Pháp lớp 9

Thời gian làm bài : 60 phút, không kể thời gian giao đề.

I. COMPREHENSION ECRITE. (Đọc hiểu).

5 điểm

Lisez ce texte. (Em hãy đọc bài dưới đây).

Mon cher Éric,

J'ai passé deux semaines en avril chez Michel, en Bretagne.

J'ai fait du vélo, j'ai lu, j'ai nagé, j'ai beaucoup dormi : enfin, je me suis reposé ! J'ai rencontré une jeune femme, Jacky : c'est une amie de Cécile. Elle est venue passer un week-end chez Michel. Elle a loué la maison des Dupré. Oui, les Dupré sont partis en Espagne. Ils ont de la chance ! Michel nous a montré une très vieille église romane et il nous a invités au restaurant au bord de la rivière.

J'ai fait des promenades dans la campagne et j'ai vu des paysages superbes. J'ai pris des photos pour toi. Je t'embrasse.

Pierre

Dựa vào nội dung bài khóa, hãy cho biết những thông tin dưới đây là đúng (VRAI) hay sai (FAUX) bằng cách đánh dấu X vào các ô thích hợp.

	VRAI	FAUX
1. En avril, Pierre a beaucoup travaillé.		
2. Il a passé un mois chez Michel en Bretagne.		
3. Pierre n'aime pas la lecture.		
4. Pierre a rencontré Jacky chez Michel.		
5. Jacky est une amie de Cécile.		
6. Pierre connaît Cécile.		
7. Pierre est resté chez Michel plus longtemps que Jacky.		
8. Pierre ira bientôt en Espagne avec les Dupré.		
9. Jacky a pris beaucoup de photos pour Éric.		
10. Pierre est très content de son voyage en Bretagne.		

II. CONNAISSANCES DE LA LANGUE (Kiến thức ngôn ngữ)

4 điểm

1) Em hãy hoàn thiện các câu sau bằng các articles partitifs thích hợp.

J'ai un petit frère. Tous les matins, il boit (1) lait, (2) eau, mange (3) fruits et (4) bananes. Le soir, il aime regarder la télévision et lire un conte au lit. Il aime aussi beaucoup la musique.

2) Em hãy hoàn thiện đoạn văn bằng cách dùng parce que / quand / comme / mais (mỗi từ hoặc nhóm từ chỉ được dùng một lần ở chỗ thích hợp nhất).

Aujourd'hui, (5) il pleut, je reste à la maison. Je regarde la télévision et je lis un livre. Je veux jouer (6) je veux bien travailler aussi. D'habitude, ma mère fait la cuisine, mais (7) elle n'est pas là, je la remplace. Je travaille bien (8) je veux être un bon enfant.

III. EXPRESSION ECRITE (Diễn đạt viết)

1 điểm

Ecrivez à votre ami(e) en 5 ou 6 lignes pour lui raconter le voyage que vous avez fait.

(Em hãy viết thư cho bạn em trong khoảng 5, 6 dòng kể lại chuyến du lịch mà em đã thực hiện).

----- Fin -----

Môn : Tiếng Pháp lớp 9

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. COMPREHENSION ECRITE

(5 điểm)

Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm.

	VRAI	FAUX
1. En avril, Pierre a beaucoup travaillé.		X
2. Il a passé un mois chez Michel en Bretagne.		X
3. Pierre n'aime pas la lecture.		X
4. Pierre a rencontré Jacky chez Michel.	X	
5. Jacky est une amie de Cécile.	X	
6. Pierre connaît Cécile.	X	
7. Pierre est resté chez Michel plus longtemps que Jacky.	X	
8. Pierre ira bientôt en Espagne avec les Dupré.		X
9. Jacky a pris beaucoup de photos pour Éric.		X
10. Pierre est très content de son voyage en Bretagne.	X	

II. CONNAISSANCES DE LA LANGUE

(4 điểm)

1. Hãy hoàn thiện các câu sau bằng các articles partitifs thích hợp.

2 điểm

Mỗi từ đúng cho 0,5 điểm.

J'ai un petit frère. Tous les matins, il boit (1) **du** lait, (2) **de l'**eau, mange (3) **des** fruits et (4) **des** bananes. Le soir, il aime regarder la télévision et lire un conte au lit. Il aime aussi beaucoup la musique.

2. Hoàn thiện đoạn văn bằng cách dùng *parce que / quand / comme / mais* (mỗi từ hoặc nhóm từ chỉ được dùng một lần ở chỗ thích hợp nhất).

2 điểm

Mỗi từ, nhóm từ đúng cho 0,5 điểm.

Aujourd'hui, **comme** (5) il pleut, je reste à la maison. Je regarde la télévision et je lis un livre. Je veux jouer **mais** (6) je veux bien travailler aussi. D'habitude, ma mère fait la cuisine, **quand** (7) elle n'est pas là, je la remplace. Je travaille bien **parce que** (8) je veux être un bon enfant.

III. EXPRESSION ECRITE

(1 điểm)

Ecrivez à votre ami(e) en 5 ou 6 lignes pour lui raconter le voyage que vous avez fait.

Học sinh phải viết được từ 5 đến 6 dòng kể lại chuyến du lịch đã thực hiện. Tùy theo lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp, chấm câu, tuân thủ theo yêu cầu đề thi (số dòng, dạng bài viết thư) mà trừ điểm. Tổng số điểm của phần này là 1 điểm.

Môn : Tiếng Pháp lớp 12 (Hệ 3 năm)

Thời gian làm bài : 45 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU

Đọc bài khóa và chọn câu trả lời đúng.

La vie à la campagne

Avant tout, je suis paysan. L'été, je me lève à six heures du matin, même parfois à cinq heures, mais l'hiver, je me lève à huit heures. Le paysan suit le soleil. Le meilleur moment est quand je termine le soir et que je rentre chez moi. Je suis avec ma femme et mes enfants, je leur raconte ma journée de travail. C'est une satisfaction.

On n'est pas trop content quand il gèle, ça fait une longue journée.

Le bonheur est facile à trouver. Je le rencontre tout le temps, je sors, je marche sur la route, je regarde la montagne. Je suis heureux. Je vais dans les terres et si les vignes ne sont pas gelées, si je vois que ça pousse, c'est beau, c'est ça la vie. Maintenant, tout le monde ne peut pas en profiter de cette façon parce que malheureusement, il y a beaucoup de jeunes qui ont été obligés de partir pour la ville.

Pierre Bonté

Le bonheur dans le pré

Notes: Geler: Giá rét

Vigne: Cây nho

Câu 1. Dans le texte, on parle...

- A. du bonheur du paysan
- B. du malheur du paysan
- C. de la tristesse du paysan
- D. de la colère du paysan

Câu 2. Qui est l'auteur du texte?

- A. Le bonheur dans le pré.
- B. La vie à la campagne.
- C. Pierre Bonté.
- D. Les jeunes.

Câu 3. "je suis paysan" c'est: ...

- A. je suis chanteur
- B. je suis médecin
- C. je suis informaticien
- D. je suis agriculteur

Câu 4. À quelle heure le paysan se lève-t-il, en été?

- A. à 4h
- B. à 5h
- C. à 6h
- D. à 5h ou à 6h

Câu 5. "Le paysan suit le soleil" veut dire:

- A. le paysan reconnaît le temps par le soleil.
- B. le paysan reconnaît le temps par la montre.

- C. il y a du soleil.
- D. le paysan se lève quand le soleil est en haut.

Câu 6. “Terminer” c'est: ...

- A. commencer
- B. continuer
- C. essayer
- D. finir

Câu 7. Quand le paysan ne se sent-il pas content?

- A. Quand il gèle.
- B. Quand il fait très chaud.
- C. Quand il fait beau.
- D. Quand il fait nuit.

Câu 8. Le bonheur du paysan est trouvé...

- A. difficilement
- B. facilement
- C. lentement
- D. tristement

Câu 9: Les personnes qui partent pour la ville sont souvent ...

- A. les élèves
- B. les enfants
- C. les personnes âgées
- D. les jeunes

II. TỪ VỰNG VÀ NGŨ PHÁP

Chọn câu trả lời đúng để hoàn thành các câu sau đây.

Câu 10. Chọn câu có trật tự từ đúng (ứng với A hoặc B, C, D):

est / parti / le / train.

- A. Est parti le train.
- B. Parti le train est.
- C. Le train est parti.
- D. Est le parti train.

Câu 11. Marion parle souvent à sa mèreson travail.

- . de
- . à
- . pour
- . en

Câu 12. Le professeur aide ses élèves bien comprendre le texte.

- . de
- . à
- . pour
- . en

Câu 13. Il y a dix jours qu'elle est partie et elle retournera.....

- . pendant trois jours
- . depuis trois jours
- . dans trois jours
- . dès trois jours

Câu 14. fin des cours, les élèves vont voir leur professeur à l'hôpital.

- . À

B. De

- . Au
- . À la

Câu 15. En ville, les magasins ouvrent 9 heures.

- . depuis
- . dans
- . en
- . à partir de

Câu 16. Il est allé voir le médecin la fièvre depuis plusieurs jours.

- . parce que
- . grâce à
- . à cause de
- . puisque

Câu 17. Tout le monde aime le bonheur et n'aime le malheur.

- . il
- . on
- . elle
- . personne

Câu 18. Monsieur, vous ne pas à ma question.

- . comprenez
- . répondez
- . connaissez
- . écoutez

Câu 19. Le cours a commencé il y a une demi-heure. Juan arrive et dit

- . “Bonne journée”
- . “À votre santé”
- . “Excusez-moi d’être en retard”
- . “À vos souhaits”

Câu 20. Quand vous faites du tennis?

- Nous faisons toutes les semaines.

- . le
- . dont
- . en
- . y

Câu 21. Je vais à Paris ma sœur vit avec sa famille.

- . qui
- . où
- . y
- . dont

Câu 22. J'ai oublié le nom de la personne nous avons rencontrée ce matin.

- . où
- . qui
- . que
- . dont

Câu 23. Un synonyme de est “très connu”.

- D. poli
- D. célèbre
- D. bon
- D. généreux

- Câu 24.** Le 1^{er} janvier, je souhaite à mes amis
 D. une bonne année
 D. une bonne santé
 D. bonnes vacances
 D. joyeux Noël
- Câu 25.** Qu'est-ce que ton père fait?
 Il fait de la musique. Il est
 D. pianiste.
 D. guitariste.
 D. musicien.
 D. musique.
- Câu 26.** Dans quel pays irez-vous en vacances?
 J'irai à Madagascar, au Cambodge ou Thaïlande.
 D. à
 D. en
 D. au
 D. aux
- Câu 27.** mon séjour en France, j'ai fait beaucoup de progrès en français.
 D. Pour
 D. Depuis
 D. Il y a
 D. À
- Câu 28.** Que se passe-t-il ?, il est toujours à l'heure.
 D. En avance
 D. D'habitude
 D. En général
 D. En bref
- Câu 29.** Hier, Sabine a été malade, elle au lit toute la journée.
 D. reste
 D. restait
 D. a resté
 D. est restée
- Câu 30.**, il faut porter des vêtements chauds.
 D. En été
 D. En automne
 D. Au printemps
 D. En hiver.
- Câu 31.** Parfois en été, est insupportable.
 D. le froid
 D. le chauffage
 D. la chaleur
 D. la température
- Câu 32.** Vous n'êtes pas malade,?
 D. j'espère
 D. je crois
 D. je dis
 D. je veux
- Câu 33.** Est-ce que tu as déjà lu ce livre?
 -Non,

- A. je ne l'ai pas encore lu.
- B. je ne l'ai pas encore lue.
- C. je n'ai pas encore le lu.
- D. je ne les ai pas encore lus.

Câu 34. Je vais en Bretagne cet été. Je une villa au bord de la mer.

- D. loue
- D. emprunte
- D. prête
- D. donne

Câu 35. J'ai écouté intéressante sur le Festival d'Avignon sur France Culture.

- D. une émission
- D. un programme
- D. une séquence
- D. un sondage

Câu 36. L'été prochain, nous l'avion pour la Grèce.

- D. prenions
- D. avions pris
- D. prenons
- D. avons pris

Chọn câu thụ động biến đổi đúng.

Câu 37. Les pluies acides détruisent les forêts.

- . Les forêts ont été détruites par les pluies acides.
- . Les forêts sont détruites par les pluies acides.
- . Les forêts seront détruites par les pluies acides.
- . Les forêts ont détruites par les pluies acides.

Câu 38. Les pompiers ont maîtrisé l'incendie.

- D. L'incendie est maîtrisé par les pompiers
- D. L'incendie a été maîtrisée par les pompiers
- D. L'incendie a maîtrisé par les pompiers
- D. L'incendie a été maîtrisé par les pompiers

Chọn mệnh đề đúng để hoàn thành câu.

Câu 39. C'est un travail dont

- . ma tante me présente.
- . ils ne sont pas contents.
- . tout le monde veut le faire.
- . nous donne un salaire élevé.

Câu 40. Il m'a rendu le livre que

- D. je vous avais parlé.
- D. je lui avais prêté.
- D. le contenu était utile.
- D. se trouvent les meilleurs poèmes.

ĐỀ:

A. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Câu I: Chọn câu trả lời đúng nhất (khoanh tròn chữ cái ở đầu câu):

1. Đông Nam Bộ có vị trí đứng đầu cả nước về:

- a. Trồng cây công nghiệp
- b. Hoạt động du lịch
- c. Xuất – nhập khẩu
- d. Nguồn lao động

2. Sản phẩm công nghiệp ở Đông Nam Bộ có tỉ trọng cao nhất so với cả nước:

- a. Khai thác nhiên liệu, cơ khí – điện tử, hóa chất
- b. Khai thác nhiên liệu, điện, vật liệu xây dựng
- c. Khai thác nhiên liệu, dệt may, vật liệu xây dựng
- d. Điện, cơ khí – điện tử, hóa chất

3. Tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của đồng bằng sông Cửu Long (năm 2002) so với cả nước là:

- a. Trên 40%
- b. Trên 50%
- c. Trên 60%
- d. Cả 3 đều sai

4. Một số khó khăn chính về mặt tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long:

- a. Lũ lụt, khô hạn, rừng ngập mặn ven biển chiếm diện tích lớn
- b. Đất phèn, đất mặn, rừng ngập mặn ven biển chiếm diện tích lớn
- c. Lũ lụt, khí hậu nóng ẩm, kênh rạch chằng chịt
- d. Đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn; thiếu nước ngọt cho sản xuất vào mùa khô

Câu II: Chọn nội dung (ô bên phải) và điền số thứ tự vào vị trí thích hợp (ô bên trái):

Vùng	
Đông Nam Bộ	
Đồng bằng sông Cửu Long	

Đặc điểm:

1. Địa hình thấp, bằng phẳng
2. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao hơn tỉ lệ của cả nước
3. Trồng nhiều cao su, cà phê, hồ tiêu...
4. Ô nhiễm do chất thải công nghiệp
5. Chiếm hơn 50% sản lượng thủy sản cả nước
6. Khai thác dầu khí ở thềm lục địa
7. Mật độ dân cư thưa thớt
8. Dân thành thị chiếm hơn 50% dân số của vùng
9. Trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước
10. Hàng xuất khẩu chủ lực là gạo

B. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu III: Dựa vào kiến thức đã học:

1. Thể hiện các ngành kinh tế biển ở nước ta bằng sơ đồ.

2. Trình bày các điều kiện thuận lợi và mặt hạn chế của ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản ở nước ta hiện nay.

3. Nêu những định hướng để phát triển ngành thủy sản nước ta.

Câu IV: Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học:

Tình hình khai thác, xuất khẩu dầu thô, nhập khẩu xăng dầu ở nước ta
(Đơn vị: Triệu tấn)

Sản phẩm	1999	2001	2003	2005
Dầu thô khai thác	15,2	16,8	17,7	18,5
Dầu thô xuất khẩu	14,9	16,7	17,1	18,0
Xăng dầu nhập khẩu	7,4	9,1	9,9	11,5

1. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tình hình khai thác, xuất khẩu dầu thô, nhập khẩu xăng dầu ở nước ta.

2. Nhận xét tình hình trên.

– **Hết** –

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu I: (1,0 điểm – mỗi câu đúng: 0,25đ)
1 – c 2 – a 3 – b 4 – d

Câu II: (2,0 điểm – mỗi ý đúng: 0,25đ)

-Đông Nam Bộ: 3 – 4 – 6 – 8

-Đồng bằng SCL: 1 – 5 – 9 – 10

Câu III: (4,0 điểm)

1. Vẽ sơ đồ các ngành kinh tế biển. (1,0đ)
2. -Các điều kiện thuận lợi (1,0đ)
-Mặt hạn chế (1,0đ)
3. Hướng phát triển (1,0đ).

Câu IV: (3,0 điểm)

1. Vẽ biểu đồ (1,5đ)
2. Nhận xét (1,5đ).

-----//-----

Ghi chú:

-Trên đây là khung thang điểm chung, giáo viên phải dựa theo để đánh giá điểm bài làm của học sinh.

-Giáo viên căn cứ vào trình độ chung của học sinh, đề xuất và thống nhất với tổ chuyên môn phần điểm chi tiết cho từng ý.

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu I: Chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào bài làm (VD: 1 – a):

1. Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất:
 - a. Nội chí tuyến
 - b. Nhiệt đới ẩm gió mùa
 - c. Cận nhiệt đới gió mùa
 - d. Cận xích đạo gió mùa
2. Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật quý giá là do nước ta nằm ở vị trí:
 - a. Tiếp giáp giữa lục địa và đại dương
 - b. Liên kề với hai vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải
 - c. Trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật
 - d. Tất cả các ý trên
3. Trong lịch sử phát triển lãnh thổ nước ta, giai đoạn tân kiến tạo có đặc điểm là:
 - a. Giai đoạn diễn ra ngắn nhất
 - b. Giai đoạn kéo dài nhất
 - c. Giai đoạn có nhiều biến động mạnh mẽ nhất
 - d. Giai đoạn chỉ diễn ra trong phạm vi hẹp
4. Hướng tây bắc – đông nam là hướng chính của các dãy núi các vùng:
 - a. Đông Bắc và Tây Bắc
 - b. Tây Bắc và Bắc Trường Sơn
 - c. Bắc Trường Sơn và Nam Trường Sơn
 - d. Đông Bắc và Nam Trường Sơn
5. Vùng núi Nam Trường Sơn có điểm khác biệt với các vùng núi khác là:
 - a. Các dãy núi theo hướng cánh cung
 - b. Nhiều đồi núi thấp
 - c. Các cao nguyên badan rộng lớn, tương đối bằng phẳng
 - d. Các khối núi cao, đồ sộ xen kẽ các cao nguyên đá vôi
6. Ý nào không phải là đặc điểm địa hình của đồng bằng sông Hồng:
 - a. Là đồng bằng châu thổ sông
 - b. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ
 - c. Được phù sa bồi đắp hàng năm
 - d. Rộng khoảng 15 ngàn km²
7. Yếu tố nào của Biển Đông không chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa:
 - a. Thủy triều
 - b. Nhiệt độ nước biển
 - c. Sóng
 - d. Hướng chảy của dòng hải lưu
8. Tính chất nhiệt đới của khí hậu được thể hiện ở:
 - a. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm
 - b. Tổng nhiệt độ và nhiệt độ trung bình năm đều cao
 - c. Độ ẩm không khí cao
 - d. Cả a và b

Câu II: Chọn nội dung phù hợp ở vị trí chỗ trống (...) trong bảng dưới đây:

Tên đai cao	Độ cao (m)	Các hệ sinh thái chính
(1)	> 2600	Các loài thực vật ôn đới (đỗ quỳn, lãnh sam...)
(2)	600 - 700 đến 2600	(3)
Đai nhiệt đới gió mùa	< 600 – 700	(4)

B- PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**Câu III: (5,0 đ)****Một số chỉ số về nhiệt độ của Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh ($^{\circ}\text{C}$)**

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm	Nhiệt độ trung bình tháng lạnh	Nhiệt độ trung bình tháng nóng	Biên độ nhiệt trung bình năm	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối	Biên độ nhiệt tuyệt đối
Hà Nội ($21^{\circ}01\text{B}$)	23,5	16,4 (tháng I)	28,9 (tháng VII)	12,5	2,7	42,8	40,1
TP.Hồ Chí Minh ($10^{\circ}47\text{B}$)	27,1	25,8 (tháng XII)	28,9 (tháng IV)	3,1	18,8	40,0	26,2

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học:

1. Nhận xét và so sánh chế độ nhiệt của Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.
2. Khái quát đặc điểm thiên nhiên nổi bật của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.

Câu IV: (2,0 đ)**Sự biến động diện tích rừng qua một số năm (Đơn vị: Triệu ha)**

Năm	Tổng diện tích có rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Diện tích rừng trồng
1943	14,3	14,3	0,0
1983	7,2	6,8	0,4
2005	12,7	10,2	2,5

Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động diện tích rừng ở nước ta.

– Hết –

Ghi chú:

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục) để làm bài phần tự luận.

HƯỚNG DẪN CHẤM - ĐỊA LÝ 12

(Học kỳ I – 2008-2009)

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu I: (2,0 điểm - mỗi ý đúng: 0,25 đ)

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| 1 – b | 2 – d | 3 – a | 4 – b |
| 5 – c | 6 – c | 7 – a | 8 – d |

Câu II: (1,0 điểm - mỗi ý đúng: 0,25 đ)

- | | |
|--|--|
| (1) Đai ôn đới gió mùa | (3) Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim |
| (2) Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi | (4) Rừng nhiệt đới ẩm thường xanh |

B- PHẦN TƯ LUẬN:

Câu III: (5,0 điểm)

1. Nhận xét và so sánh chế độ nhiệt:

-Nhiệt độ TB năm ở cả hai địa điểm đều $>20^{\circ}\text{C}$ \rightarrow thể hiện tính nhiệt đới của khí hậu
(1,0 đ)

-TPHCM có nền nhiệt ổn định, thể hiện ở các chỉ số: Biên độ nhiệt TB năm, Biên độ nhiệt tuyệt đối,... đều nhỏ so với Hà Nội.
(1,0 đ)

-Hà Nội có thời kỳ lạnh ($t^{\circ} < 20^{\circ}\text{C}$) do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc \rightarrow các chỉ số: Biên độ nhiệt TB năm, Biên độ nhiệt tuyệt đối,... đều cao so với TPHCM
(1,0 đ)

2. Khái quát đặc điểm thiên nhiên:

-Lãnh thổ phía Bắc: vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh; (1,0 đ)

-Lãnh thổ phía Nam: vùng khí hậu xích đạo gió mùa. (1,0 đ)

Câu IV: (2,0 điểm)

Yêu cầu: kiểu biểu đồ phù hợp ; nội dung đầy đủ, chính xác ; trình bày rõ ràng, sạch, đẹp.

---//---

Ghi chú:

-Những ý trên chỉ mang tính chất định hướng.

-Giáo viên được vận dụng cho điểm trong từng ý, nhưng không được vượt quá số điểm quy định của mỗi câu..

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào bài làm (VD: 1 – a):

1. Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất:
 - a. Nội chí tuyến
 - b. Nhiệt đới ẩm gió mùa
 - c. Cận nhiệt đới gió mùa
 - d. Cận xích đạo gió mùa
2. Hướng vòng cung là hướng chính của các dãy núi các vùng:
 - a. Đông Bắc và Tây Bắc
 - b. Tây Bắc và Bắc Trường Sơn
 - c. Bắc Trường Sơn và Nam Trường Sơn
 - d. Đông Bắc và Nam Trường Sơn
3. Ý nào không phải là đặc điểm địa hình của đồng bằng sông Hồng:
 - a. Là đồng bằng châu thổ sông
 - b. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ
 - c. Được phù sa bồi đắp hàng năm
 - d. Rộng khoảng 15 ngàn km²
4. Yếu tố nào của Biển Đông không chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa:
 - a. Nhiệt độ nước biển
 - b. Sóng
 - c. Thủy triều
 - d. Hướng chảy của dòng hải lưu
5. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc chỉ tác động mạnh ở phía Bắc dãy núi:
 - a. Hoàng Liên Sơn
 - b. Trường Sơn
 - c. Hoàng Sơn
 - d. Bạch Mã
6. Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật quý giá là do nước ta nằm ở vị trí:
 - e. Tiếp giáp giữa lục địa và đại dương
 - f. Liên kề với hai vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải
 - g. Trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật
 - h. Tất cả các ý trên
7. Tính chất nhiệt đới của khí hậu được thể hiện ở:
 - e. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm
 - f. Tổng nhiệt độ và nhiệt độ trung bình năm đều cao
 - g. Độ ẩm không khí cao
 - h. Cả a và b
8. Đặc điểm chế độ nhiệt của Hà Nội:
 - a. Nhiệt độ trung bình năm: 23,5⁰C ; nhiệt độ trung bình tháng 1: 16,4⁰C
 - b. Nhiệt độ trung bình năm: 23,5⁰C ; nhiệt độ trung bình tháng 1: 19,7⁰C
 - c. Nhiệt độ trung bình năm: 25,1⁰C ; nhiệt độ trung bình tháng 1: 19,7⁰C
 - d. Nhiệt độ trung bình năm: 25,1⁰C ; nhiệt độ trung bình tháng 1: 16,4⁰C
9. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho lãnh thổ phía Bắc và phía Nam (ranh giới là dãy Bạch Mã) là:
 - a. Đới rừng cận nhiệt đới gió mùa – Đới rừng nhiệt đới gió mùa
 - b. Đới rừng nhiệt đới gió mùa – Đới rừng cận xích đạo gió mùa
 - c. Đới rừng ôn đới gió mùa – Đới rừng cận nhiệt đới gió mùa
 - d. Đới rừng thường xanh gió mùa – Đới rừng nửa rụng lá gió mùa
10. Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế ở nước ta đang thay đổi theo hướng:
 - a. Tăng tỉ trọng lao động nông – lâm – ngư nghiệp
 - b. Tăng tỉ trọng lao động công nghiệp – xây dựng
 - c. Tăng tỉ trọng lao động dịch vụ
 - d. Cả ý b và c
11. Vùng có mật độ dân số thấp nhất là:
 - a. Đồng bằng sông Hồng
 - b. Bắc Trung bộ
 - c. Duyên hải Nam Trung bộ
 - d. Đông Nam Bộ
12. Ở nước ta, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đang thay đổi theo hướng:
 - a. Tốc độ tăng dân số ngày càng nhanh
 - b. Tăng tỉ trọng dân số trong tuổi lao động
 - c. Tăng tỉ trọng dân số thành thị
 - d. Tăng tỉ trọng dân số dưới 15 tuổi

B- PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (3,0 điểm)

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP theo giá so sánh 1994, phân theo khu vực kinh tế (Đơn vị: %)

Năm	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
1990	1,0	2,3	10,2
1995	4,8	13,6	9,8
2000	4,6	10,1	5,3
2005	4,0	10,7	8,5

Dựa vào số liệu (bảng 1) và kiến thức đã học:

- Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP phân theo khu vực kinh tế qua các năm ở nước ta.
- Nhận xét tình hình trên.

Câu 2: (4,0 điểm)

Bảng 2a: Hiện trạng sử dụng đất của cả nước, năm 2005

Loại đất	Đất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở	Đất chưa sử dụng
Diện tích (ngàn ha)	9.412,2	14.437,3	1.401,0	602,7	7.268,0
Cơ cấu (%)	28,4	43,6	4,2	1,8	22,0

Bảng 2b: Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, năm 2000 (%)

Loại đất	Đất nông nghiệp	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất cỏ dùng cho chăn nuôi	Đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản
Đồng bằng sông Hồng	100,0	84,2	2,5	0,2	7,3
Đồng bằng sông Cửu Long	100,0	75,0	13,4	0,0	7,7

Dựa vào số liệu (bảng 2a và 2b) và kiến thức đã học:

- Giải thích tại sao việc sử dụng hợp lý đất đai là vấn đề rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước?
- So sánh cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

– Hết –

Ghi chú:

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục) để làm bài phần tự luận.

HƯỚNG DẪN CHẤM - ĐỊA LÝ 12 - BAN KHXH&NV
(Học kỳ I – 2008-2009)

A- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm - mỗi ý đúng: 0,25 đ)

1 – b	2 – d	3 – c	4 – c	5 – d	6 – d
7 – d	8 – a	9 – b	10 – d	11 – c	12 – b

B- PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: (3,0 điểm)

a) Vẽ biểu đồ: (2,0 đ)

Yêu cầu: Kiểu biểu đồ phù hợp ; nội dung đầy đủ, chính xác ; trình bày rõ ràng, sạch, đẹp.

b) Nhận xét: (1,0 đ)

-Tăng trưởng GDP ở các khu vực kinh tế đều có tốc độ cao (tương đối cao); trong đó, khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất là công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, khu vực nông – lâm – ngư nghiệp có tốc độ tăng trưởng thấp hơn.

-Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng chưa ổn định chứng tỏ chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế nước ta còn thấp, sức cạnh tranh còn yếu.

Câu 2: (4,0 điểm)

a) Giải thích: (2,5 đ)

-Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông – lâm nghiệp...

-Tuy nhiên, việc sử dụng đất đai ở nước ta có nhiều yếu tố bất lợi:

+Do ¾ diện tích là đồi núi, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên tài nguyên đất rất dễ bị suy thoái.

+Do đất hẹp, dân số đông, nước ta có bình quân đất tự nhiên trên đầu người vào loại thấp so với mức trung bình của thế giới (số liệu minh họa).

+Diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm tỉ trọng tương đối ít (số liệu minh họa), lại có nguy cơ bị suy giảm do quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá....

→ Việc sử dụng hợp lý đất đai có ý nghĩa to lớn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

b) So sánh: (1,5 đ)

-Cà 2 vùng: đất trồng cây hàng năm, chiếm phần lớn trong cơ cấu đất nông nghiệp; trong đó chủ yếu là đất lúa – màu, được thâm canh ở mức cao; diện tích mặt nước chiếm >7% được sử dụng nuôi trồng thủy sản.

-Đồng bằng sông Hồng: đất trồng cây hàng năm chủ yếu là đất lúa – màu chiếm phần lớn trong cơ cấu đất nông nghiệp (số liệu minh họa)

-Đồng bằng sông Cửu Long: bên cạnh đất trồng cây hàng năm còn có đất trồng cây lâu năm, chủ yếu trồng cây ăn trái chiếm tỉ lệ khá lớn (số liệu minh họa).

---//---

Ghi chú: -Những ý trên chỉ mang tính chất định hướng.

-Giáo viên được vận dụng cho điểm trong từng ý, nhưng không được vượt quá số điểm quy định của mỗi câu.

CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH [32 CÂU]

Nội dung	Số câu
Este, lipit	2
Cacbohidrat	1
Amin, amino axit và protein	3
Polime và vật liệu polime	1
Tổng hợp nội dung các kiến thức hoá hữu cơ	6
Đại cương về kim loại	3
Kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm	6
Sắt, crom	3
Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường	1
Tổng hợp nội dung các kiến thức hoá vô cơ	6

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh học chương trình nào thì chỉ được làm phần dành riêng cho chương trình đó

A. Phần dành cho thí sinh chương trình chuẩn [8 câu]

Nội dung	Số câu
Este, lipit, chất giặt rửa	1
Cacbohidrat	1
Amin, amino axit, protein	1
Polime và vật liệu polime	1

Đại cương về kim loại	1
Kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm	1
Sắt, crom, đồng, phân biệt một số chất vô cơ, hoá học và vấn đề phát triển kinh tế xã hội môi trường	2

B. Phần dành cho thí sinh chương trình nâng cao [8 câu]

Nội dung	Số câu
Este, lipit, chất giặt rửa	1
Cacbohidrat	1
Amin, amino axit, protein	1
Polime và vật liệu polime	1
Đại cương về kim loại	1
Kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm	1
Sắt, crom, đồng; phân biệt một số chất vô cơ; chuẩn độ dung dịch; hoá học và vấn đề phát triển kinh tế xã hội môi trường	2

ĐỀ THI MINH HỌA TỐT NGHIỆP THPT

Thời gian làm bài: 60 phút

Cho biết nguyên tử khối (theo u) của các nguyên tố là:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24;

Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64;

Zn = 65; Ag = 108.

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (32 câu, từ câu 1 đến câu 32)

Câu 1: Thủy phân phenyl axetat trong dung dịch NaOH thu được các sản phẩm hữu cơ là

- A. axit axetic và phenol.
- B. natri axetat và phenol.
- C. natri axetat và natri phenolat.
- D. axit axetic và natri phenolat.

Câu 2: Phản ứng hoá học xảy ra trong trường hợp nào sau đây thuận nghịch?

- A. Đun hỗn hợp gồm axit axetic và ancol etylic.
- B. Axit axetic tác dụng với axetilen.
- C. Thủy phân phenyl axetat trong môi trường axit.
- D. Thủy phân etyl axetat trong môi trường bazơ.

Câu 3: Cho dãy các chất: phenol, *o*-crezol, ancol benzylic, ancol metylic. Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 4: Số lượng este đồng phân cấu tạo của nhau ứng với công thức phân tử $C_4H_8O_2$ là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 5: Để trung hoà lượng axit béo tự do có trong 14 gam chất béo cần 15 ml dung dịch KOH 0,1M. Chỉ số axit của mẫu chất béo là

- A. 6.
- B. 12.
- C. 7.
- D. 14.

Câu 6: Cacbohidrat ở dạng polime là

- A. glucozơ.
- B. saccarozơ.
- C. xenlulozơ.
- D. fructozơ.

Câu 7: Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu hồng là

- A. anilin.
- B. axit 2-aminoaxetic.
- C. metylamin.
- D. axit glutamic.

Câu 8: Polime bị thủy phân cho α -amino axit là

- A. polistiren.
- B. polipeptit.
- C. nilon-6,6.
- D. polisaccarit.

Câu 9: Cho m gam hỗn hợp hai ancol tác dụng hoàn toàn với Na (dư) được 2,24 lít H_2 (ở đktc) và 12,2 gam hỗn hợp muối. Giá trị của m là

- A. 7,8.
- B. 8,2.
- C. 4,6.
- D. 3,9.

Câu 10: Trung hoà một lượng axit cacboxylic đơn chức cần vừa đủ 100 ml dung dịch NaOH 1M. Từ dung dịch sau phản ứng thu được 8,2 gam muối khan. Công thức của axit là

- A. HCOOH.
- B. CH_3COOH .
- C. C_2H_3COOH .
- D. C_2H_5COOH .

Câu 11: Chất X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$, tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra chất Y có công thức phân tử $C_2H_3O_2Na$. Công thức cấu tạo của X là

- A. $HCOOC_3H_7$.
- B. $C_2H_5COOCH_3$.
- C. $CH_3COOC_2H_5$.
- D. $HCOOC_3H_5$.

Câu 12: Cho cùng một khối lượng mỗi chất: CH_3OH , CH_3COOH , $C_2H_4(OH)_2$, $C_3H_5(OH)_3$ tác dụng hoàn toàn với Na (dư). Số mol H_2 lớn nhất sinh ra từ phản ứng của Na với

- A. CH_3OH .
- B. CH_3COOH .
- C. $C_2H_4(OH)_2$.
- D. $C_3H_5(OH)_3$.

Câu 13: Cho dãy các chất: CH_3Cl , $C_2H_5COOCH_3$, CH_3CHO , CH_3COONa . Số chất trong dãy khi thủy phân sinh ra ancol metylic là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 14: Cho dãy các kim loại: Be, Mg, Cu, Li, Na. Số kim loại trong dãy có kiểu mạng tinh thể lục phương là:

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 15: Cấu hình electron của cation R^{3+} có phân lớp ngoài cùng là $2p^6$. Nguyên tử R là

- A. S. B. Al. C. N. D. Mg.

Câu 16: Cho dãy các kim loại: Al, Cr, Hg, W. Hai kim loại có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất và cao nhất tương ứng là:

- A. Hg, Al. B. Al, Cr. C. Hg, W. D. W, Cr.

Câu 17: Công thức của thạch cao sống là:

- A. $CaSO_4$. B. $CaSO_4 \cdot 2H_2O$.
C. $CaSO_4 \cdot H_2O$. D. $2CaSO_4 \cdot H_2O$.

Câu 18: Khi sục 8,96 lít khí CO_2 (đktc) vào dung dịch có chứa 0,25 mol $Ca(OH)_2$, số gam kết tủa thu được là

- A. 25. B. 10. C. 12. D. 40.

Câu 19: Nhôm không tan được trong dung dịch

- A. HCl. B. NaOH. C. $NaHSO_4$. D. Na_2SO_4 .

Câu 20: Cho hỗn hợp kim loại gồm 5,4 gam Al và 2,3 gam Na tác dụng với nước dư. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn khối lượng chất rắn còn lại là

- A. 2,70 gam. B. 2,30 gam. C. 4,05 gam. D. 5,00 gam.

Câu 21: Hỗn hợp X gồm 3 oxit có số mol bằng nhau: FeO, Fe_2O_3 , Fe_3O_4 . Cho m gam hỗn hợp X tác dụng với dung dịch HNO_3 (dư), thu được dung dịch Y. Cho Y tác dụng với dung dịch NaOH loãng (dư), thu được 6,42 gam kết tủa nâu đỏ. Giá trị của m là

- A. 2,32. B. 4,64. C. 1,60. D. 4,80.

Câu 22: Cấu hình electron của ion Fe^{2+} là

- A. $[Ar] 3d^6$. B. $[Ar] 3d^5 4s^1$.
C. $[Ar] 3d^4 4s^2$. D. $[Ar] 3d^3 4s^2$.

Câu 23: Khi cho dung dịch muối sắt(II) vào dung dịch kiềm, có mặt không khí đến khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hợp chất

- A. $Fe(OH)_2$. B. $Fe(OH)_3$. C. FeO. D. Fe_2O_3 .

Câu 24: Khử hoàn toàn hỗn hợp gồm m gam FeO, Fe_2O_3 , Fe_3O_4 bằng CO dư ở nhiệt độ cao. Sau phản ứng thu được 33,6 gam chất rắn. Dẫn hỗn hợp khí sau phản ứng vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 80 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 34,88. B. 36,16. C. 46,40. D. 59,20.

Câu 25: Hoà tan phen chua vào nước thu được dung dịch có môi trường

- A. kiềm yếu. B. kiềm mạnh. C. axit yếu. D. trung tính.

Câu 26: Cho dãy các ion: Ca^{2+} , Al^{3+} , Fe^{2+} , Fe^{3+} . Ion trong dãy có số electron độc thân lớn nhất là

- A. Al^{3+} . B. Ca^{2+} . C. Fe^{2+} . D. Fe^{3+} .

Câu 27: Cho dãy kim loại: Zn, Fe, Cr. Thứ tự giảm dần độ hoạt động hoá học của các kim loại từ trái sang phải trong dãy là:

- A. Zn, Fe, Cr. B. Fe, Zn, Cr.
C. Zn, Cr, Fe. D. Cr, Fe, Zn.

Câu 28: Cách bảo quản thực phẩm (thịt, cá,...) an toàn là sử dụng

- A. fomon. B. phân đạm. C. nước đá. D. nước vôi.

Câu 29: Hoà tan hoàn toàn m gam kim loại X bằng dung dịch HCl sinh ra V lít khí (đktc), cũng m gam X khi đun nóng phản ứng hết với V lít O_2 (đktc). Kim loại X là

- A. Ni. B. Zn. C. Pb. D. Sn.

Câu 30: Cho dãy các chất: FeO, Fe_3O_4 , Al_2O_3 , HCl, Fe_2O_3 . Số chất trong dãy bị oxi hoá bởi dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 31: Amilozơ tạo thành từ các gốc

- A. α -glucozơ. B. β -glucozơ. C. α -fructozơ. D. β -fructozơ.

Câu 32: Khi đốt cháy 4,5 gam một amin đơn chức giải phóng ra 1,12 lít N_2 (đktc). Công thức phân tử của amin đó là

A. CH₅N. B. C₂H₇N. C. C₃H₉N. D. C₃H₇N.

II. PHẦN RIÊNG (Thí sinh học chương trình nào thì chỉ được làm một phần dành cho chương trình đó)

A. Phần dành cho thí sinh học chương trình Cơ bản (8 câu, từ câu 33 đến câu 40)

Câu 33: Cho Cu tác dụng với dung dịch hỗn hợp gồm NaNO₃ và H₂SO₄ loãng, giải phóng khí X (không màu, dễ hoá nâu trong không khí). Khí X là

A. NO. B. NH₃. C. N₂O. D. NO₂.

Câu 34: Kim loại **không** khử được nước ở nhiệt độ thường là

A. Na. B. Ca. C. Be. D. Cs.

Câu 35: Cho dãy các chất: CH₃-NH₂, NH₃, C₆H₅NH₂ (anilin), NaOH. Chất có lực bazơ nhỏ nhất trong dãy là

A. CH₃-NH₂. B. NH₃. C. C₆H₅NH₂. D. NaOH.

Câu 36: Không nên dùng xà phòng để giặt rửa trong nước chứa nhiều ion

A. Ca²⁺. B. Na⁺. C. NH₄⁺. D. Cl⁻.

Câu 37: Chất tác dụng với Cu(OH)₂ tạo sản phẩm có màu tím là

A. andehit axetic. B. tinh bột.

C. xenlulozơ. D. peptit.

Câu 38: Các số oxi hoá phổ biến của crom trong các hợp chất là:

A. +2, +4, +6. B. +2, +3, +6.

C. +1, +2, +6. D. +3, +4, +6.

Câu 39: Chất **không** có tính chất lưỡng tính là

A. Al(OH)₃. B. Al₂O₃. C. NaHCO₃. D. ZnSO₄.

Câu 40: Tính chất hóa học đặc trưng của Fe là

A. tính khử. B. tính oxi hóa.

C. tính axit. D. tính bazơ.

B. Phần dành cho thí sinh học chương trình nâng cao (8 câu, từ câu 41 đến câu 48)

Câu 41: Khi điện phân NaCl nóng chảy, ở catot xảy ra

A. sự khử ion Cl⁻. B. sự oxi hoá ion Cl⁻.

C. sự khử ion Na⁺. D. sự oxi hoá ion Na⁺.

Câu 42: Kim loại khử được nước ở nhiệt độ thường là

A. Cu. B. Ca. C. Be. D. Fe.

Câu 43: Khi cho glyxin tác dụng với dung dịch chất X thấy có khí N₂ được giải phóng. Chất X là

A. HCl. B. NaNO₃. C. HNO₂. D. NaOH.

Câu 44: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Metyl glucozit có thể chuyển được từ dạng mạch vòng sang dạng mạch hở.

B. Fructozơ còn tồn tại ở dạng β-, vòng 5 cạnh ở trạng thái tinh thể.

C. Oxi hoá glucozơ bằng AgNO₃ trong dung dịch NH₃ thu được amoni gluconat.

D. Khử glucozơ bằng H₂ thu được sobitol.

Câu 45: Tơ lapsan thuộc loại tơ

A. poliamit. B. polieste. C. poliete. D. vinylic.

Câu 46: Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu xanh là

A. Na₂CO₃. B. NaNO₃. C. NaHSO₄. D. NaCl.

Câu 47: Oxi hoá NH₃ bằng CrO₃ sinh ra N₂, H₂O và Cr₂O₃. Số phân tử NH₃ tác dụng với một phân tử CrO₃ là

A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

Câu 48: Hai hidroxit đều tan được trong dung dịch NH₃ là

A. Cu(OH)₂ và Ni(OH)₂. B. Fe(OH)₂ và Ni(OH)₂.

C. Cu(OH)₂ và Al(OH)₃. D. Zn(OH)₂ và Al(OH)₃.

*** ĐÁP ÁN**

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
1	C.	13	B.	25	C.	37	D.
2	A.	14	B.	26	D.	38	B.
3	B.	15	B.	27	C.	39	D.
4	C.	16	C.	28	C.	40	A.
5	A.	17	B.	29	D.	41	C.
6	C.	18	B.	30	A.	42	B.
7	D.	19	D.	31	A.	43	C.
8	B.	20	A.	32	B.	44	A.
9	A.	21	B.	33	A.	45	B.
10	B.	22	A.	34	C.	46	A.
11	C.	23	B.	35	C.	47	D.
12	D.	24	C.	36	A.	48	A.

CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC KÌ LỚP 9

Môn : Hóa học

A. Phần trắc nghiệm khách quan : 3,0 điểm (20 phút)
0,25 điểm/câu x 12 câu = 3,0 điểm

HK	Chương	Nội dung	Số câu
I	1	Oxit, axit	1
		Bazơ, muối	1
		Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ	2
	2	Tính chất hóa học của kim loại	1
		Dãy hoạt động hóa học của kim loại. Sự ăn mòn của kim loại	1
		Nhôm	1
		Sắt	1
		Tính chất của phi kim	1
		Clơ	1
	3	Carbon và các oxit của carbon	1
		Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	1
		Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ	1
II	4	Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ	1

		Metan	1
		Etilen	1
		Axetilen	1
		Benzen	1
	5	Rượu etylic	1
		Axit axetic	1
		Mối liên hệ giữa etilen, rượu etylic và axit axetic	1
		Glucosơ, saccarozơ	1
		Tinh bột, xenlulozơ, chất béo	1
		Protein, polime	1

B. Phần tự luận : 7,0 điểm (40 phút)

I. Bài tập định tính :

1. Dự đoán phản ứng xảy ra, mô tả hiện tượng quan sát, giải thích hiện tượng xảy ra, hoàn thành chuỗi phản ứng.
2. Phân biệt các chất.
3. Điều chế các chất từ chất ban đầu có sẵn.

II. Bài tập định lượng :

1. Tính lượng chất tham gia hoặc tạo thành sau phản ứng.
2. Tính % khối lượng hoặc % thể tích của hỗn hợp.
3. Lập công thức hóa học.
4. Hiệu suất phản ứng.

SỞ GD&ĐT BẾN TRE

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Năm học: 2007-2008

Trường THCS :

Môn Sinh học – Lớp 9

Lớp :

Thời gian: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Học sinh :

Học sinh làm bài **Phần trắc nghiệm khách quan** (20 phút) xong nộp cho giáo viên, sau đó làm **Phần tự luận** (40 phút)

I. Phần trắc nghiệm khách quan. (4 đ).

Hãy khoanh tròn vào một chữ cái (A, B, C, D) đứng ở đầu câu trả lời mà em cho là đúng nhất.

Câu 1 : Để phát hiện ra những gen lặn gây hại, người ta dùng phương pháp

- A. lai xa. B. lai kinh tế.
C. lai cải tiến giống. D. tự thụ phấn hoặc giao phối gần.

Câu 2 : Tại sao ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F_1 ?

- A. Vì cơ thể lai F_1 có tỉ lệ cặp gen dị hợp cao nhất
B. Vì cơ thể lai F_1 có sức sống cao
C. Vì cơ thể lai F_1 sinh trưởng nhanh nhất
D. Vì cơ thể lai F_1 phát triển mạnh mẽ hơn F_1

Câu 3 : Ưu điểm của chọn lọc hàng loạt là

- A. có hiệu quả với mọi đối tượng sinh vật. B. kết quả nhanh và ổn định.
C. dễ làm, có thể áp dụng rộng rãi. D. xác định kiểu gen của tính trạng

Câu 4 : Thực vật ở vùng ôn đới có đặc điểm hình thái như :

- A. Tầng cutin dày, tầng bần dày
B. Tầng cutin mỏng, tầng bần mỏng
C. Tầng cutin ở lá dày, thân và rễ có tầng bần dày bao bọc
D. Dễ rụng lá

Câu 5 : Những đặc điểm nào sau đây chỉ có ở quần thể người, không có ở các quần thể sinh vật khác?

- A. Pháp luật, hôn nhân, giáo dục, văn hoá B. Giới tính, lứa tuổi, mật độ sinh sản
C. Sinh sản, tử vong, pháp luật, kinh tế D. Giới tính, mật độ, giáo dục, văn hoá

Câu 6 : Ti nguyên nào sau đây là tài nguyên tái sinh ?

- A. Khí đốt thiên nhiên B. Dầu lửa C. Rừng D. Than đá.

Câu 7 : Trong chọn giống cây trồng, người ta sử dụng phương pháp nào sau đây để tạo ra nhiều biến dị tổ hợp?

- A. Gây đột biến nhân tạo B. Lai hữu tính
C. Tạo giống đa bội thể D. Chiết cành

Câu 8 : Tác động lớn nhất của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên là

- A. đốt rừng lấy đất trồng trọt B. săn bắt động vật hoang dã
C. phát triển khu dân cư D. phá huỷ thảm thực vật

Câu 9 : Số lượng của quần thể này bị số lượng của quần thể khác kìm hãm được gọi là hiện tượng

- A. không chế sinh học B. cân bằng sinh học
C. cân bằng sinh thái D. diễn thế sinh thái

Câu 10 : Một nhóm cá thể cùng loài, cùng sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới, được gọi là

- A. hệ sinh thái B. quần xã sinh vật
C. quần thể sinh vật D. lưới thức ăn

Câu 11 : Thí dụ nào sau đây không phải là quần thể sinh vật?

- A. Bầy voi sống trong rừng rậm châu Phi

- B. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam
- C. Bầy chó sói sống trong cùng một khu rừng
- D. Các con voi sống trong vườn bách thú

Cu 12: Trong hệ sinh thi, sinh cảnh là

- A.thành phần loài trong quần xã.
- B.khu vực sống của quần xã.
- C.độ đa dạng của quần xã.
- D.khả năng sinh sản của quần xã.

Cu 13: Trong các ví dụ sau đây, ví dụ nào là quan hệ cộng sinh ?

- A. Hươu, nai và hổ cùng sống trong một cánh rừng.
- B. Địa y sống bám trên cành cây .
- C. Vi khuẩn sống trong nốt sần ở rễ của cây họ đậu.
- D. Rận và bét sống bám trên da trâu bò.

Cu 14: Ví dụ nào sau đây là quan hệ hội sinh ?

- A . Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.
- B . Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
- C . Trên cánh đồng lúa, khi cỏ dại phát triển, năng suất lúa giảm.
- D . Giun đũa sống trong ruột người.

Cu 15: Ví dụ nào sau đây là quan hệ sinh vật ăn sinh vật khác?

- A. Cây nắp ấm bắt côn trùng.
- B. Địa y sống bám cành cây
- C. Kiến sống thành bầy đàn.
- D. Rễ của các cây thông nối liền nhau.

Cu 16: Ví dụ nào sau đây là quan hệ kí sinh ?

- A.Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
- B.Trùng roi sống trong ruột con mối giúp con mối tiêu hóa chất xenlulô.
- C.Dây tơ hồng sống bám trên cây chủ.
- D.Mèo ăn thịt chuột.

(Hết phần trắc nghiệm)

II . Phần tự luận : (6đ)

Câu 1 (2điểm) :

Trình bày sự khác nhau giữa quần thể sinh vật và quần xã sinh vật?

Câu 2 (1 điểm):

Hy kể tên những hoạt động của con người có thể gây ra ô nhiễm môi trường không khí ?

Câu 3 (3 điểm) :

Giả sử trong quần xã sinh vật có những sinh vật sau: Chuột, gà, lúa, mèo, đại bàng, trăn, vi sinh vật.

- a) Trình bày các chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã nêu trên.
- b) Vẽ sơ đồ một lưới thức ăn.
- c) Nếu muốn chuột không phát triển, người ta cần tăng cường loài nào trong lưới thức ăn mà không ảnh hưởng tới gà?

(Hết)

HƯỚNG DẪN CHẤM
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM)

I. Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1D 2A 3C 4C 5A 6C 7B 8D 9A 10C 11D 12B 13C 14B 15A 16C

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

<i>Quần thể sinh vật</i>	<i>Quần xã sinh vật</i>	<i>Điểm</i>
- Tập hợp nhiều cá thể cùng 1 loài	- Tập hợp nhiều quần thể sinh vật của nhiều loài khác nhau	1đ
- Chỉ có quan hệ cùng loài → ít phong phú	- Quan hệ cùng loài và quan hệ khác loài → phong phú hơn	0,5đ
- Về mặt sinh học cấu trúc nhỏ và phạm vi phân bố hẹp hơn quần xã	- Về mặt sinh học có cấu trúc lớn và phạm vi phân bố rộng hơn quần thể	0,5đ

Câu 2 : (1 điểm)

Mỗi thí dụ: 0,25đ x tối đa 4 thí dụ = 1đ

Câu 3 : (3 đ)

- a) Mỗi chuỗi : 0,25đ x tối đa 5 chuỗi thức ăn : 1,25đ
 b) Xây dựng lưới thức ăn có đủ 7 loài sinh vật 1,25 đ
 c) Nuôi thêm mèo 0,5đ

(HẾT)

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HK2 NĂM HỌC 2008-2009
Môn: Sinh học. Lớp 12

- Nguyên nhân và cơ chế tiến hóa: 8 câu
- Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất: 4 câu
- Sinh thái học: 28 câu

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: thời gian làm bài 30 phút – 2,5 điểm

Câu 1: Cặp số nào sau đây là nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x+2y=1 \\ y=-\frac{1}{2} \end{cases}$

A. $(0; -\frac{1}{2})$ B. $(0; \frac{1}{2})$ C. $(2; -\frac{1}{2})$ D. $(0; 1)$

- Câu 2: Cho hàm số $y = f(x) = \frac{1}{5}x^2$. Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Hàm số xác định với mọi x và có hệ số góc $a = \frac{1}{5}$.
- B. Hàm số đồng biến khi $x < 0$ và nghịch biến khi $x > 0$.
- C. $f(0) = 0$; $f(5) = 5$; $f(-5) = 5$; $f(-a) = f(a)$.
- D. Nếu $f(x) = 0$ thì $x = 0$; nếu $f(x) = 1$ thì $x = \pm\sqrt{5}$.

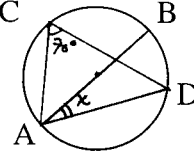
- Câu 3: Tích hai nghiệm của phương trình $-x^2 + 7x + 8 = 0$ là:
- A. 8 B. -8 C. 7 D. -7

- Câu 4: Hai số có tổng là 29 và tích là 204 là nghiệm của phương trình:
- A. $x^2 + 29x + 204 = 0$ B. $x^2 + 29x - 204 = 0$
- C. $x^2 - 29x + 204 = 0$ D. $x^2 - 29x - 204 = 0$

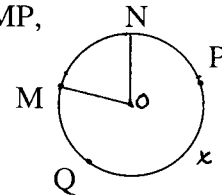
- Câu 5: Biệt thức Δ của phương trình bậc hai $2x^2 - (k-1)x - 3 + k = 0$ là:
- A. $k^2 + 6k - 23$ B. $k^2 + 6k - 25$ C. $(k-5)^2$ D. $(k+5)^2$

- Câu 6: Một nghiệm của phương trình $2x^2 - (k-1)x - 3 + k = 0$ là:
- A. $\frac{k-1}{2}$ B. $\frac{1-k}{2}$ C. $\frac{k-3}{2}$ D. $\frac{3-k}{2}$

- Câu 7: Trong hình bên: AB là đường kính, $\angle ACD = 70^\circ$. Số đo x của góc \widehat{BAD} là:
- A. 20° B. 30°
- C. 35° D. 40°

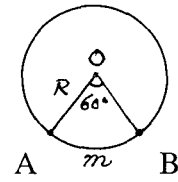


- Câu 8: Trong hình bên: N là điểm chính giữa của cung MP, M là điểm chính giữa của cung NQ, $\widehat{MON} = 70^\circ$. Số đo x của cung PQ là:
- A. 120° B. 135°
- C. 150° D. 140°



Câu 9: Trong hình bên: $\widehat{AOB} = 60^\circ$, bán kính đường tròn là R . Độ dài cung AmB là:

- A. $\frac{\pi R}{6}$ B. $\frac{\pi R}{3}$
 C. $\frac{\pi R^2}{6}$ D. $\frac{\pi R^2}{3}$



Câu 10: Hình tròn có diện tích 9 cm^2 thì có chu vi là:

- A. $\frac{3}{\pi} \text{ cm}$ B. $6\sqrt{\pi} \text{ cm}$ C. $3\sqrt{\pi} \text{ cm}$ D. $\frac{\pi}{3} \text{ cm}$

II. PHÂN TỰ LUẬN: thời gian làm bài 90 phút – 7,5 điểm

Bài 1: Giải bài toán sau bằng cách lập hệ phương trình:

Tìm số tự nhiên có hai chữ số, biết rằng chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 2 và nếu viết thêm chữ số bằng chữ số hàng chục vào bên phải thì được một số lớn hơn số ban đầu là 682.

Bài 2: Cho hàm số $y = -\frac{3}{2}x^2$ có đồ thị (P) và $y = -2x + \frac{1}{2}$ có đồ thị (D).

- Vẽ (P) và (D) trên cùng một hệ trục tọa độ vuông góc.
- Xác định tọa độ các giao điểm của (P) và (D).
- Tìm tọa độ những điểm trên (P) thỏa tính chất tổng hoành độ và tung độ của điểm đó bằng -4.

Bài 3: Cho đường tròn tâm O đường kính $AB = 2R$. Gọi (d) là đường trung trực của đoạn thẳng AO, trên (d) lấy điểm M sao cho đường thẳng MB cắt đường tròn tại N. Đường thẳng AN cắt (d) tại H và đường thẳng AM cắt đường tròn tại K.

- Chứng minh ba điểm B, H, K thẳng hàng.
- Gọi I là trung điểm đoạn thẳng AO. Tính chu vi tứ giác BNHI theo R khi N là điểm chính giữa cung AB.
- Chứng minh tích $AM \cdot AK$ không thay đổi khi M di động trên (d).

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN : *thời gian làm bài 60 phút – 4,0 điểm*
Chọn câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài:

Câu 1: Cho hàm số $y = \frac{x^2 + x - 1}{x + 2}$

1. Tìm khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau:

- A. Hàm số giảm trên các khoảng $(-\infty; -3), (-1; +\infty)$.
B. Hàm số giảm trên tập hợp $(-3; -2) \cup (-2; -1)$.
C. Hàm số giảm trên các khoảng $(-3; -2), (-2; -1)$.
D. Hàm số tăng trên tập hợp $(-\infty; -3) \cup (-1; +\infty)$.

2. Tọa độ các điểm cực trị của đồ thị hàm số là:

- A. $(-3; -5)$ và $(-1; 1)$ B. $(-3; 5)$ và $(-1; -1)$ C. $(-3; -5)$ và $(1; -1)$ D. $(-3; -5)$ và $(-1; -1)$

Câu 2: Cho hàm số $y = x^3 + 3x^2 - 9x + 1$ xác định trên đoạn $[-4; 4]$.

1. Giá trị nhỏ nhất của hàm số là:

- A. -4 B. 4 C. 28 D. -28

2. Giá trị lớn nhất của hàm số là:

- A. -4 B. 28 C. 12 D. -12

Câu 3:

1. Các đường thẳng tiệm cận của đồ thị hàm số $y = \frac{1}{x} + \frac{1}{x-2}$ là:

- A. $x=0; x=-2$ B. $x=0; x=2$ C. $x=0; x=-2; y=0$ D. $x=0; x=2; y=0$

2. Điểm $I(-1; 2)$ là tâm đối xứng của đồ thị hàm số?

- A. $y = x^3 + 3x^2 - 9x + 9$ B. $y = \frac{2x^2 - x}{x + 1}$ C. $y = \frac{2x - 3}{x + 1}$ D. $y = x^4 - 2x^2 + 3$

Câu 4:

1. Nếu $a, b > 0$; a, b khác 1 thỏa $a^{\sqrt{2}} > a^{\frac{3}{2}}$ và $\log_b \frac{\sqrt{3}}{2} < \log_b \frac{2\sqrt{6}-1}{4}$ thì:

- A. $a > 1$ và $b > 1$ B. $0 < a < 1$ và $b > 1$ C. $a > 1$ và $0 < b < 1$ D. $0 < a < 1$ và $0 < b < 1$

2. Giá trị của $\log_9 15 + \log_9 18 - \log_9 10$ bằng:

- A. $3/2$ B. $3/4$ C. $2/3$ D. $4/3$

Câu 5:

1. Đạo hàm của hàm số $y = \frac{\ln x}{x^2}$ là:

- A. $y' = \frac{1 + 2 \ln x}{x^3}$ B. $y' = \frac{1 - 2 \ln x}{x^3}$ C. $y' = \frac{1 + \ln x}{x^2}$ D. $y' = \frac{1 - \ln x}{x^2}$

2. Đạo hàm của hàm số $y = (x^2 - 2x + 3)e^x$ là:

- A. $y' = (x^2 + 4x - 1)e^x$ B. $y' = (x^2 - 1)e^x$ C. $y' = (x^2 - 4x + 1)e^x$ D. $y' = (x^2 + 1)e^x$

Câu 6:

1. Nếu $a = \log_2 10$ và $b = \log_8 1000$ thì:

- A. $a < b$ B. $a = b$ C. $a = b + 1$ D. $a > b$

2. Nếu $\log_5 2 = a; \log_5 3 = b$ thì $\log_5 72$ bằng:

- A. $a + 4b$ B. $2a + 3b$ C. $3a + 2b$ D. $4a + b$

Câu 7: Hình lăng trụ tứ giác đều ABCD.A'B'C'D' có cạnh đáy bằng a và đường chéo bằng $a\sqrt{6}$.

1. Khoảng cách giữa A và mặt phẳng (BCD'A') bằng:

- A. $\frac{2a\sqrt{5}}{5}$ B. $\frac{a\sqrt{5}}{5}$ C. $\frac{2a\sqrt{3}}{3}$ D. $\frac{a\sqrt{3}}{3}$

2. Thể tích khối chóp A.BDD'B' bằng:

- A. $2a^3$ B. $\frac{a^3}{3}$ C. $\frac{2a^3}{3}$ D. $\frac{2a^3}{5}$

Câu 8: Hình lập phương ABCD.A'B'C'D' có cạnh bằng a.

1. Khoảng cách giữa hai đường thẳng AD' và B'C' bằng:

- A. $\frac{a}{2}$ B. $\frac{a\sqrt{2}}{2}$ C. $\frac{a}{3}$ D. a

2. Tỉ số thể tích giữa khối tứ diện BA'B'C' và khối lập phương bằng:

- A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{8}$ D. $\frac{1}{3}$

II. PHẦN TỰ LUẬN : thời gian làm bài 90 phút – 6,0 điểm

Câu 9: (1,00 đ) Giải phương trình: $\log_{\sqrt{5}}(6^{x+1} - 36^x) = 2$.

Câu 10: (3,00 đ) Cho hàm số $y = \frac{x^2 - 2x + 4}{x - 2}$.

1. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) của hàm số .
2. Tìm giá trị của m để đường thẳng (D_m) có phương trình $x + y - m = 0$ cắt đồ thị hàm số tại hai điểm phân biệt.
3. Tìm điểm trên (C) mà tiếp tuyến với (C) tại đó đi qua điểm A(0;6).

Câu 11: (2,00 đ) Cho hình chóp tứ giác đều ^{S, A B C D} có đường chéo đáy bằng $a\sqrt{2}$ và cạnh bên bằng $\frac{3a\sqrt{2}}{2}$.

1. Tính thể tích khối chóp .
 2. Tính thể tích khối tứ diện S A C D và từ đó suy ra khoảng cách giữa điểm A và mặt phẳng S C D.
-

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2008-2009
BẾN TRE

Môn: TOÁN – Lớp: 12 (chuẩn)
Thời gian : 150 ph (không kể phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN : thời gian làm bài 60 phút – 4,0 điểm
Chọn câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài:

Câu 1: Cho hàm số $y = \frac{2x - 3}{x + 4}$.

1. Tìm khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau:
 - A. Hàm số giảm trên các khoảng $(-\infty; -4); (-4; +\infty)$.
 - B. Hàm số tăng trên \mathbf{R} .
 - C. Hàm số tăng trên các khoảng $(-\infty; -4); (-4; +\infty)$.
 - D. Hàm số giảm trên \mathbf{R} .

2. Tìm khẳng định **sai** trong các khẳng định sau:
 - A. Hàm số không có cực trị.
 - B. Đồ thị hàm số có 1 tiệm cận đứng và 1 tiệm cận ngang.
 - C. Đồ thị hàm số không có điểm uốn
 - D. Hàm số tăng trên tập xác định của nó.

Câu 2: Cho hàm số $y = x^3 + 5x - 4$ xác định trên đoạn $[-3; 1]$.

1. Giá trị nhỏ nhất của hàm số là:

A. -46 B. 2 C. -2 D. 46

2. Giá trị lớn nhất của hàm số là:

A. -46 B. 2 C. -2 D. 46

Câu 3:

1. Các đường thẳng tiệm cận của đồ thị hàm số $y = \frac{x^2 + 1}{x + 2}$ là:

A. $x=2; y=x-2$ B. $x=-2; y=x-2$ C. $x=2; y=-x+2$ D. $x=-2; y=-x+2$

2. Điểm I(-1;17) là tâm đối xứng của đồ thị hàm số?

A. $y=x^2+2x-5$ B. $y=x^3+3x^2-9x+9$ C. $y = \frac{16x - 17}{x + 1}$ D. $y=x^4-2x^2+3$

Câu 4:

1. Nếu $a, b > 0$; a, b khác 1 thỏa $a^{\frac{1}{2}} > a^{\frac{3}{5}}$ và $\log_b \sqrt{2} < \log_b \sqrt{3}$ thì:

A. $a > 1$ và $b > 1$ B. $0 < a < 1$ và $b > 1$ C. $a > 1$ và $0 < b < 1$ D. $0 < a < 1$ và $0 < b < 1$

II. PHẦN TỰ LUẬN : thời gian làm bài 90 phút – 6,0 điểm

Câu 9: (1,00 đ) Giải phương trình: $\log_3 x + \log_3(x + 2) = 1$.

Câu 10: (3,00 đ) Cho hàm số $y = \frac{2x + 1}{x + 1}$.

1. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) của hàm số .
2. Viết phương tiếp tuyến với (C) tại điểm có thuộc (C) có hoành độ bằng -2.
3. Tìm giá trị của m để đường thẳng (D_m) có phương trình $x - y + m = 0$ cắt đồ thị (C) tại hai điểm phân biệt.

Câu 11: (2,00 đ) Cho hình chóp tứ giác đều S.ABCD có cạnh đáy bằng a và cạnh bên bằng $\frac{a\sqrt{14}}{2}$.

1. Tính thể tích khối chóp.
 2. Gọi M là trung điểm cạnh SC. Tính thể tích khối tứ diện MABD .
-

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 LỚP 12 NĂM HỌC 2007 – 2008

Môn Vật Lý

Thời gian: 60 phút, không kể phát đề

Những hiện tượng nào sau đây chứng tỏ rằng ánh sáng có bản chất sóng

- a. Hiện tượng giao thoa
- b. Hiện tượng hấp thụ ánh sáng
- c. Hiện tượng ion hóa môi trường
- d. Hiện tượng quang điện

Trong giao thoa ánh sáng với khe Iâng, khoảng cách giữa một vân sáng và một vân tối liền kề với nó bằng

- a. i
- b. $2i$
- c. $(k + \frac{1}{2})i$
- d. $i/2$

Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng của Iâng, vị trí vân sáng được xác định bằng công thức

- a. $x = 2k\lambda D/a$
- b. $x = k\lambda D/2a$
- c. $x = k\lambda D/a$
- d. $x = (2k+1)\lambda D/2a$

Bước sóng của tia hồng ngoại nhỏ hơn bước sóng của

- a. ánh sáng đỏ
- b. ánh sáng tím
- c. tia X
- d. sóng vô tuyến

Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng của Iâng, hai khe hẹp cách nhau một khoảng $a = 0,5 \text{ mm}$, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là $D = 2 \text{ m}$. Hai khe được chiếu bằng ánh sáng có bước sóng $\lambda = 0,6 \text{ }\mu\text{m}$. Vị trí vân sáng bậc hai cách vân trung tâm là

- a. $2,4 \text{ mm}$
- b. $4,8 \text{ mm}$
- c. $9,6 \text{ mm}$
- d. $1,2 \text{ mm}$

Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng của Iâng, hai khe hẹp cách nhau một khoảng $a = 0,3 \text{ mm}$, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là $D = 2 \text{ m}$. Hai khe được chiếu bằng ánh sáng trắng, khoảng cách từ vân sáng bậc 1 màu đỏ ($\lambda_d = 0,76 \text{ }\mu\text{m}$) đến vân sáng bậc 1 màu tím ($\lambda_t = 0,4 \text{ }\mu\text{m}$) cùng một phía vân trung tâm là

- a. $2,7 \text{ mm}$
- b. $1,5 \text{ mm}$
- c. $2,4 \text{ mm}$
- d. $3,6 \text{ mm}$

Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng của Iâng, hai khe hẹp cách nhau một khoảng $a = 3 \text{ mm}$, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là $D = 2 \text{ m}$. Trên màn quan sát người ta thấy khoảng cách giữa hai vân sáng bậc 5 ở hai bên vân trung tâm là 3 mm . Bước sóng ánh sáng chiếu vào hai khe là

- a. $\lambda = 0,45 \text{ }\mu\text{m}$.
- b. $\lambda = 0,50 \text{ }\mu\text{m}$.
- c. $\lambda = 0,60 \text{ }\mu\text{m}$.
- d. $\lambda = 0,75 \text{ }\mu\text{m}$.

Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng của Iâng, lần lượt chiếu sáng hai khe bằng ánh sáng đơn sắc từ màu đỏ đến tím thì thấy khoảng vân giao thoa của các ánh sáng đơn sắc tương ứng

- a. vẫn không đổi.
- b. tăng dần.
- c. giảm dần.
- d. lúc đầu giảm dần sau đó không đổi.

Tia hồng ngoại và tia Ronghen đều có bản chất là sóng điện từ, nhưng do bước sóng khác nhau nên

- a. chúng bị lệch khác nhau trong từ trường.
- b. chúng bị lệch khác nhau trong điện trường.
- c. có khả năng đâm xuyên khác nhau.
- d. có tác dụng nhiệt khác nhau.

Bức xạ điện từ có bước sóng trong khoảng từ $3 \cdot 10^{-9}$ m đến $3 \cdot 10^{-7}$ m là

- a. tia Ronghen.
- b. tia hồng ngoại.
- c. tia tử ngoại.
- d. ánh sáng nhìn thấy.

Động năng ban đầu cực đại của các electron quang điện

- a. tỉ lệ với cường độ chùm ánh sáng kích thích.
- b. không phụ thuộc vào cường độ chùm ánh sáng kích thích.
- c. tỉ lệ với bình phương cường độ của chùm ánh sáng kích thích.
- d. tỉ lệ nghịch với cường độ chùm ánh sáng kích thích.

Để có hiện tượng quang điện xảy ra thì

- a. năng lượng photon chiếu tới phải lớn hơn hoặc bằng công thoát của kim loại.
- b. năng lượng photon chiếu tới phải nhỏ hơn công thoát của kim loại.
- c. ánh sáng chiếu tới phải có cường độ đủ mạnh.
- d. kim loại chứa một lượng lớn electron.

Phát biểu nào sau đây về kính lúp là không đúng?

- a. Kính lúp là dụng cụ quang học hỗ trợ cho mắt làm tăng góc trông để quan sát được các vật nhỏ.
- b. Vật cần quan sát phải đặt trước kính lúp trong khoảng tiêu cự của kính.
- c. Kính lúp đơn giản là một thấu kính hội tụ có tiêu cự ngắn.
- d. Ảnh của một vật qua kính lúp là ảnh thật cao hơn vật.

Cường độ dòng quang điện bão hòa

- a. tỉ lệ với bước sóng của ánh sáng kích thích.
- b. không phụ thuộc vào cường độ chùm ánh sáng kích thích.
- c. tỉ lệ với bình phương cường độ chùm ánh sáng kích thích.
- d. tỉ lệ với cường độ chùm ánh sáng kích thích.

Chiếu một bức xạ có bước sóng $\lambda = 0,15 \mu\text{m}$ vào catốt của một tế bào quang điện.

Kim loại dùng làm catốt có giới hạn quang điện $\lambda_0 = 0,30 \mu\text{m}$. Cho hằng số Planck $h = 6,625 \cdot 10^{-34}$ Js, vận tốc ánh sáng trong chân không $v = 3 \cdot 10^8$ m/s. Động năng ban đầu cực đại của electron quang điện có giá trị

- a. $13,25 \cdot 10^{-19}$ J.
- b. $6,625 \cdot 10^{-19}$ J.
- c. $6,625 \cdot 10^{-20}$ J.
- d. $6,625 \cdot 10^{-18}$ J.

Kim loại nhôm có giới hạn quang điện là $0,36 \mu\text{m}$. Hiện tượng quang điện xảy ra khi chiếu vào kim loại đó bức xạ nằm trong vùng

- a. ánh sáng màu tím.

- b. ánh sáng màu lam.
- c. hồng ngoại.
- d. tử ngoại.

Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về mẫu nguyên tử Bo?

- a. Nguyên tử bức xạ khi chuyển từ trạng thái cơ bản lên trạng thái kích thích.
- b. Trong các trạng thái dừng, động năng của các electron trong nguyên tử bằng không.
- c. Khi ở trạng thái cơ bản, nguyên tử có năng lượng cao nhất.
- d. Trạng thái kích thích có năng lượng càng cao thì bán kính quỹ đạo của electron càng lớn.

Catốt của một tế bào quang điện có công thoát $A = 3,5 \text{ eV}$. Khi chiếu vào nó một bức xạ có $\lambda = 0,25 \mu\text{m}$ thì vận tốc ban đầu của electron quang điện là

- a. $6,05 \cdot 10^5 \text{ m/s}$.
- b. $5,78 \cdot 10^6 \text{ m/s}$.
- c. $7,18 \cdot 10^5 \text{ m/s}$.
- d. $3,34 \cdot 10^5 \text{ m/s}$.

Catốt của một tế bào quang điện có công thoát $A = 2,7 \text{ eV}$, giới hạn quang điện của catốt là

- a. $0,46 \mu\text{m}$.
- b. $0,736 \mu\text{m}$.
- c. $0,64 \mu\text{m}$.
- d. $0,56 \mu\text{m}$.

Catốt của một tế bào quang điện có bước sóng giới hạn là $\lambda_0 = 0,45 \mu\text{m}$. Công thoát của tế bào quang điện là

- a. $8,94 \cdot 10^{-20} \text{ J}$.
- b. $8,94 \cdot 10^{-19} \text{ J}$.
- c. $8,94 \text{ eV}$.
- d. $8,94 \text{ MeV}$.

Giới hạn quang điện của kim loại dùng làm catốt của tế bào quang điện là $\lambda_0 = 0,50 \mu\text{m}$. Cho hằng số Planck $h = 6,625 \cdot 10^{-34} \text{ Js}$, vận tốc ánh sáng trong chân không $v = 3 \cdot 10^8 \text{ m/s}$. Chiếu vào catốt của tế bào quang điện này một bức xạ có bước sóng $\lambda = 0,35 \mu\text{m}$ thì động năng ban đầu cực đại của electron quang điện là

- a. $7,00 \cdot 10^{-19} \text{ J}$.
- b. $17,00 \cdot 10^{-19} \text{ J}$.
- c. $1,70 \cdot 10^{-19} \text{ J}$.
- d. $0,70 \cdot 10^{-19} \text{ J}$.

Chọn phát biểu đúng.

- a. Mắt cận thị đeo kính phân kỳ để nhìn rõ vật ở xa vô cực.
- b. Mắt cận thị đeo kính hội tụ để nhìn rõ vật ở xa vô cực.
- c. Mắt cận thị đeo kính phân kỳ để nhìn rõ vật ở gần.
- d. Mắt cận thị đeo kính hội tụ để nhìn rõ vật ở gần.

Hạt nhân ${}_{13}^{27}\text{Al}$ có

- a. 27 prôtôn, 13 nơtrôn.
- b. 13 prôtôn, 27 nơtrôn.
- c. 13 electron, 27 nơtrôn.
- d. 13 prôtôn, 14 nơtrôn.

Cho phản ứng hạt nhân ${}_0^1\text{n} + {}_Z^AX \rightarrow {}_{54}^{139}\text{Xe} + {}_{38}^{95}\text{Sr} + 2{}_0^1\text{n}$

A và Z của hạt nhân X lần lượt là

- a. 236 và 90.
- b. 237 và 92.

- c. 235 và 92.
- d. 236 và 90.

Một chất phóng xạ có chu kỳ bán rã là T. Ban đầu có 800 mg chất phóng xạ này. Sau khoảng thời gian $t = 2T$, lượng chất phóng xạ này còn lại là

- a. 400 mg.
- b. 600 mg.
- c. 200 mg.
- d. 100 mg.

Đồng vị phóng xạ ${}_{11}^{23}\text{Na}$ phóng xạ β^- . Số notrôn của hạt nhân con là

- a. 23.
- b. 12.
- c. 11.
- d. 36.

Hạt α có khối lượng 4,0015 u. Biết $m_n = 1,0087\text{u}$, $m_p = 1,0073\text{u}$, $1\text{u} = 931,5 \text{ MeV}/c^2$, $N_A = 6,022 \cdot 10^{23} \text{ mol}^{-1}$. năng lượng tỏa ra khi các nuclôn tạo thành 1g Hêli là bao nhiêu?

- a. $2,4 \cdot 10^8 \text{ J}$.
- b. $4,6 \cdot 10^9 \text{ J}$.
- c. $8,6 \cdot 10^{10} \text{ J}$.
- d. $6,8 \cdot 10^{11} \text{ J}$.

Tính năng lượng liên kết riêng của hạt nhân ${}_{17}^{27}\text{Al}$, cho biết $m_n = 1,00728\text{u}$, $m_p = 1,00867\text{u}$, $m_{\text{Cl}} = 36,95655$, $1\text{u} = 931 \text{ MeV}/c^2$

- a. 8,16 MeV.
- b. 5,82 MeV.
- c. 8,57 MeV.
- d. 9,38 MeV.

Nếu nguyên tử Hidrô bị kích thích sao cho electron chuyển lên quỹ đạo N thì nguyên tử có thể phát ra bao nhiêu vạch trong dãy Laiman.

- a. 2.
- b. 3.
- c. 4.
- d. 5.

Đồng vị của phóng xạ ${}_{86}^{220}\text{Rn}$ có chu kỳ bán rã 91,2 giờ. Giả sử lúc đầu có $6,020 \cdot 10^{23}$ hạt nhân chất phóng xạ này. Hỏi sau 182,4 giờ còn lại bao nhiêu hạt nhân chất phóng xạ đó chưa phân rã?

- a. $1,505 \cdot 10^{22}$ hạt nhân.
- b. $1,505 \cdot 10^{23}$ hạt nhân.
- c. $3,010 \cdot 10^{22}$ hạt nhân.
- d. $3,010 \cdot 10^{23}$ hạt nhân.

Gọi f_1 , f_2 lần lượt là tiêu cự của vật kính và của thị kính, D là giới hạn nhìn rõ của mắt, δ là độ dài quang học của hình hiển vi. Công thức tính độ bội giác của kính hiển vi khi ngắm chừng ở vô cực là

- a. $G = f_1 \cdot f_2 / D \cdot \delta$.
- b. $G = D \cdot \delta / f_1 \cdot f_2$.
- c. $G = D \cdot \delta \cdot f_1 \cdot f_2$.
- d. $G = f_1 \cdot f_2 \cdot \delta / G$.

Một người cận thị đeo kính – 1,5 đp thì nhìn rõ được các vật ở xa. Khoảng thấy rõ lớn nhất của người đó là

- a. 1,5 m.
- b. 0,5 m.

c. $2/3$ m.

d. 3 m.

Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về sự phát quang?

a. Bước sóng của ánh sáng phát quang bao giờ cũng nhỏ hơn bước sóng của ánh sáng kích thích.

b. Sự lân quang thường xảy ra đối với các chất rắn.

c. Bước sóng của ánh sáng phát quang bao giờ cũng lớn hơn bước sóng của ánh sáng kích thích.

d. Sự huỳnh quang thường xảy ra đối với các chất lỏng và chất khí.

Độ bội giác của kính thiên văn khi ngắm chừng ở vô cực

a. tỉ lệ thuận với tiêu cự của vật kính và tỉ lệ nghịch với tiêu cự của thị kính.

b. tỉ lệ thuận với tiêu cự của thị kính và tỉ lệ nghịch với tiêu cự của vật kính.

c. tỉ lệ nghịch với tích các tiêu cự của vật kính và thị kính.

d. tỉ lệ thuận với tích các tiêu cự của vật kính và thị kính.

Khi electron trong nguyên tử Hidro chuyển từ quỹ đạo dừng có năng lượng $E_m = -$

$0,85$ eV sang quỹ đạo dừng có năng lượng $E_n = - 13,6$ eV thì nguyên tử phát ra bức xạ điện từ có bước sóng

a. $0,4340$ μm .

b. $0,4860$ μm .

c. $0,0974$ μm .

d. $0,6563$ μm .

Hiệu điện thế giữa anốt và catốt của một ống Ronghen là $18,75$ KV. Bỏ qua động năng ban đầu của electron. Bước sóng nhỏ nhất của tia Ronghen do ống phát ra là

a. $0,6625 \cdot 10^{-10}$ m.

b. $0,6625 \cdot 10^{-9}$ m.

c. $0,5625 \cdot 10^{-10}$ m.

d. $0,4625 \cdot 10^{-9}$ m.

Khi electron trong nguyên tử Hidrô bị kích thích lên mức M có thể thu được các bức xạ phát ra

a. chỉ thuộc dãy Laiman.

b. chỉ thuộc dãy Banme.

c. thuộc dãy Laiman và Banme.

d. thuộc dãy Laiman và Pasen.

Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về photon?

a. Vận tốc của các photon trong chân không là $3 \cdot 10^8$ m/s.

b. Mỗi photon mang một năng lượng xác định.

c. Các photon của cùng một ánh sáng đơn sắc thì mang cùng một giá trị năng lượng.

d. Năng lượng của mỗi photon của các ánh sáng đơn sắc khác nhau luôn bằng nhau.

Tia Ronghen có bước sóng

a. nhỏ hơn bước sóng của tia tử ngoại.

b. nhỏ hơn bước sóng của tia gama.

c. lớn hơn bước sóng của tia tử ngoại.

d. lớn hơn bước sóng của ánh sáng tím.

Một kính hiển vi gồm vật kính có tiêu cự $0,5$ cm và thị kính có tiêu cự 2 cm; khoảng cách từ vật kính đến thị kính là $12,5$ cm. Để có ảnh ở vô cực thì độ bội giác của kính hiển vi là

a. $G = 200$.

b. $G = 350$.

c. $G = 250$.

d. $G = 175$.

TỰ LUẬN

Thời gian: 35 phút, không kể thời gian phát đề

1/ Kính lúp:

- Định nghĩa. (1,00 điểm)
- Viết công thức nêu lên mối liên hệ giữa độ bội giác và tiêu cự của kính lúp. (0,50 điểm)

2/ Một máy biến thế có số vòng dây và hiệu điện thế ở cuộn sơ cấp lần lượt là 1.500 vòng và 220 V, nếu hiệu điện thế ở hai đầu cuộn thứ cấp là 110 V. Tính số vòng dây của cuộn thứ cấp. (1,00 điểm)

3/ Máy biến thế:

- Viết công thức nêu lên mối liên hệ giữa hiệu điện thế và số vòng dây của hai cuộn sơ cấp và thứ cấp của một máy biến thế.
- Khi nào máy biến thế làm tăng hiệu điện thế và khi nào làm giảm hiệu điện thế.
- Nêu cách giảm hao phí điện năng do tỏa nhiệt trên đường dây tải điện. (0,75 điểm)

4/ Nêu cách dựng ảnh của một vật AB vuông góc với trục chính của thấu kính. (0,50 điểm)

5/ Một vật sáng AB cao 1 cm đặt vuông góc với trục chính thấu kính hội tụ, cách thấu kính 30 cm, biết tiêu cự thấu kính là 20 cm.

- a) Vẽ ảnh của vật AB qua thấu kính. (0,25 điểm)
- b) Xác định vị trí, tính chất, độ phóng đại và chiều cao ảnh cho bởi thấu kính. (1,00 điểm)

(Lưu ý: học sinh được sử dụng công thức $1/f = 1/d + 1/d'$)

**SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
BẾN TRE**

**ĐỀ THI HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2007 – 2008
MÔN THI: VẬT LÝ**

TRẮC NGHIỆM

Thời gian: 25 phút, không kể thời gian phát đề

1/ Chọn câu phát biểu sai.

- a. Máy biến thế hoạt động khi sử dụng nguồn xoay chiều.
- b. Hiệu điện thế hai đầu cuộn sơ cấp lớn hơn hiệu điện thế hai đầu cuộn thứ cấp thì máy biến thế gọi là máy hạ thế.
- c. Hiệu điện thế hai đầu cuộn sơ cấp lớn hơn hiệu điện thế hai đầu cuộn thứ cấp thì máy biến thế gọi là máy tăng thế.
- d. Máy biến thế hoạt động dựa trên hiện tượng cảm ứng điện từ.

2/ Chọn câu phát biểu sai.

Để giảm hao phí trên đường dây tải điện người ta có thể

- a. giảm điện trở đường dây dẫn.
- b. giảm công suất của dòng điện nơi phát.
- c. giảm hiệu điện thế đặt vào hai đầu đường dây.
- d. tăng hiệu điện thế đặt vào hai đầu đường dây.

3/ Chọn câu đúng.

Khi chiếu tia sáng theo phương xiên một góc đi từ môi trường không khí vào môi trường nước thì

- a. tia khúc xạ truyền thẳng.
- b. tia khúc xạ lệch gần về pháp tuyến.
- c. tia khúc xạ lệch xa pháp tuyến.
- d. tia khúc xạ nằm trên mặt phân cách giữa hai môi trường.

4/ Chọn câu sai.

- a. Hiện tượng khúc xạ là sự đổi phương của tia sáng khi đi qua mặt phân cách giữa hai môi trường khác nhau.
- b. Khi góc tới thay đổi thì khúc xạ thay đổi theo.
- c. Khi góc tới bằng 0° thì góc khúc xạ bằng không.
- d. Góc khúc xạ luôn luôn lớn hơn góc tới.

5/ Chọn kết quả đúng. Trên đường dây tải điện đi cùng một công suất điện, nếu tăng hiệu điện thế hai đầu dây tải lên hai lần thì công suất hao phí do tỏa nhiệt sẽ

- a. giảm 4 lần.
- b. tăng 4 lần
- c. giảm 2 lần
- d. tăng 2 lần.

6/ Chọn kết quả đúng. Trên cùng đường dây tải đi cùng một công suất điện nếu giảm điện trở của dây tải đi hai lần thì công suất hao phí do tỏa nhiệt sẽ

- a. giảm 4 lần.
- b. tăng 4 lần
- c. giảm 2 lần
- d. tăng 2 lần.

7/ Chọn câu đúng. Máy biến thế là một dụng cụ

- a. tăng hoặc giảm hiệu điện thế của dòng điện xoay chiều.
- b. làm tăng hoặc giảm cường độ của dòng điện xoay chiều.
- c. giữ cho hiệu điện thế luôn luôn ổn định.
- d. giữ cho cường độ dòng điện luôn luôn ổn định.

8/ Chọn câu đúng. Muốn hiệu điện thế ở hai đầu cuộn thứ cấp gấp 4 lần hiệu điện thế ở hai đầu cuộn sơ cấp thì số vòng dây ở cuộn thứ cấp

- a. gấp 2 lần số vòng dây ở cuộn sơ cấp.
- b. ít hơn số vòng dây ở cuộn sơ cấp 2 lần.
- c. gấp 4 lần số vòng dây ở cuộn sơ cấp.
- d. ít hơn số vòng dây ở cuộn sơ cấp 4 lần.

9/ Chọn câu đúng.

- a. Chùm tia sáng qua thấu kính hội tụ luôn luôn cho chùm tia ló hội tụ.
- b. Ảnh của vật tạo bởi thấu kính hội tụ luôn có độ lớn khác vật.
- c. Ảnh của một vật qua thấu kính hội tụ luôn luôn là ảnh thật.
- d. Vật thật nằm trong đoạn OF của thấu kính hội tụ luôn cho ảnh ảo cùng chiều với vật.

10/ Chọn câu đúng

- a. Chùm tia sáng qua thấu kính phân kỳ luôn luôn cho chùm tia ló phân kỳ.
- b. Ảnh của một vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn luôn là ảnh thật.
- c. Ảnh của một vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn luôn là ảnh ảo nhỏ hơn vật.
- d. Ảnh của một vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn luôn là ảnh ảo lớn hơn vật.

11/ Chọn câu đúng

Sự điều tiết của mắt là

- a. sự thay đổi độ cong của thể thủy tinh để ảnh hiện trên màn lưới rõ nét.
- b. sự thay đổi khoảng cách từ vật đến thể thủy tinh để ảnh của vật rõ nét trên màn lưới.
- c. sự thay đổi khoảng cách từ màn lưới đến thể thủy tinh để ảnh rõ nét trên màn lưới.
- d. quá trình di chuyển cả vật và ảnh để có ảnh rõ nét trên màn lưới.

12/ Chọn kết quả đúng. Một kính lúp có độ bội giác $G = 2,5 X$. Kính lúp đó có tiêu cự là

- a. 5 cm
- b. 10 cm.
- c. 2,5 cm.
- d. 25 cm.

13/ Chọn câu đúng. Người ta tạo ra ánh sáng trắng bằng cách

- a. trộn các ánh sáng vàng, da cam và lam với nhau.
- b. trộn các ánh sáng đỏ, da cam và vàng với nhau.
- c. trộn các ánh sáng đỏ, vàng và lam với nhau.
- d. trộn các ánh sáng màu đỏ, lục và màu lam với nhau.

14/ Chọn câu đúng. Ta có thể phân tích ánh sáng màu trắng bằng cách chiếu ánh sáng trắng qua

- a. thấu kính hội tụ.
- b. gương phẳng.
- c. thấu kính phân kỳ.
- d. lăng kính.

15/ Chọn kết luận đúng. Ánh sáng không có tác dụng nào sau đây.

- a. Tác dụng nhiệt.
- b. Tác dụng sinh học.
- c. Tác dụng quang điện.
- d. Tác dụng cơ.

16/ Chọn câu đúng. Khi chiếu ánh sáng vào các vật sẽ làm cho các vật nóng lên khi đó năng lượng của ánh sáng đã biến thành

- a. điện năng.
- b. cơ năng.
- c. hóa năng.
- d. nhiệt năng.

17/ Chọn kết quả đúng. Người ta dùng một thấu kính hội tụ có tiêu cự 5 cm để làm một kính lúp. Độ bội giác của kính lúp đó là

- a. $G = 5 X$
- b. $G = 0,5 X$
- c. $G = 10 X$
- d. $G = 2,5 X$

18/ Chọn câu đúng

- a. Kính lúp dùng để quan sát các vật nhỏ.
- b. Kính lúp là thấu kính hội tụ có tiêu cự lớn.
- c. Khi ta dùng kính lúp để quan sát ảnh của một vật, thì ảnh của vật đó ngược chiều và lớn hơn vật.
- d. Tiêu cự của kính lúp càng lớn thì độ bội giác của kính lúp càng lớn.

19/ Chọn câu đúng. Có thể tạo ra ánh sáng màu vàng bằng cách chiếu ánh sáng trắng qua kính lọc màu

- a. đỏ
- b. vàng.
- c. xanh.
- d. cam.

20/ Chọn câu đúng. Thể thủy tinh của mắt

- a. là thấu kính hội tụ có tiêu cự thay đổi được.
- b. là thấu kính phân kỳ có tiêu cự không đổi.
- c. là thấu kính hội tụ có tiêu cự không đổi.
- d. là thấu kính phân kỳ có tiêu cự thay đổi.